

RICHARD PAUL AND LINDA ELDER



EIGHTH
EDITION

THE MINIATURE GUIDE TO
**CRITICAL
THINKING**
Concepts and Tools



THINKER'S GUIDE LIBRARY

Hướng dẫn bỏ túi

TƯ DUY PHẢN BIỆN

Khái niệm và công cụ

ẤN BẢN THỨ 8

RICHARD PAUL và LINDA ELDER

BẢN DỊCH CỦA LIBERO, LƯU HÀNH NỘI BỘ

ROWMAN & LITTLEFIELD

*Lanham * Boulder * New York * London*

Được xuất bản bởi Rowman & Littlefield

Ấn hiệu của Tập đoàn Xuất bản The Rowman & Littlefield, Inc. 4501 Forbes Boulevard, Suite 200,
Lanham,

Maryland 20706 www.rowman.com

6 Tinworth Street, London SE11 5AL, Vương quốc Anh

Bản quyền © 2020 của Linda Elder

Đã đăng ký Bản quyền. Không thể sao chép bất kỳ phần nào của cuốn sách này dưới bất kỳ hình thức nào hoặc bằng bất kỳ phương tiện điện tử hoặc cơ sở nào, kể cả hệ thống lưu trữ và truy xuất thông tin mà không có sự cho phép bằng văn bản phiên bản của nhà xuất bản, ngoại trừ một người đánh giá có thể trích dẫn các đoạn trong một bài đánh giá.

Thư viện Anh lập danh mục trong Thông tin xuất bản có sẵn

Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ Biên mục trong ấn bản Có sẵn dữ liệu

ISBN 9781538134948 (pbk . : chất kiểm. giấy)

ISBN 9781538134955 (điện tử)

 Giấy được sử dụng trong ấn phẩm này đáp ứng các yêu cầu tối thiểu của Tiêu chuẩn Quốc gia Hoa Kỳ về Khoa học Thông tin - Tính ổn định của Giấy cho Thư viện Tài liệu In, ANSI / NISO Z39.48-1992.

Nền tảng cho Tư duy Phản biện và Thư viện Hướng dẫn của Người suy nghĩ

Được thành lập bởi Tiến sĩ Richard Paul, Foundation for Critical Thinking (tạm dịch là “Nền tảng cho Tư duy Phản biện”) là tổ chức phi lợi nhuận hoạt động lâu đời nhất dành cho tư duy phản biện. Thông qua các cuộc thảo luận và hội nghị, các khóa học và tài nguyên trực tuyến, cùng một loạt các ấn phẩm, thúc đẩy xã hội phản biện thông qua việc trau dồi các năng lực và trí tuệ cần thiết trên mọi lĩnh vực nghiên cứu và lĩnh vực chuyên môn. Ghé thăm họ tại www.criticalthinking.org để tìm hiểu về Trung tâm Cộng đồng Tư duy Phản biện trực tuyến.

Thư viện hướng dẫn của Thinker trình bày khuôn khổ của tư duy phản biện trên các lĩnh vực chủ đề và cấp độ độc giả để thúc đẩy sự tích hợp lý luận phê bình trên toàn thế giới của chúng ta.

1. The Miniature Guide to Critical Thinking Concepts and Tools, Eighth Edition
(Hướng dẫn thu nhỏ về Tư duy Phản biện: Khái niệm và Công cụ, Ấn bản thứ 8)
2. The Thinker's Guide to Analytic Thinking
(Hướng dẫn Phân tích tư duy cho Người suy nghĩ)
3. The Aspiring Thinker's Guide to Critical Thinking
(Hướng dẫn Tư duy Phản biện cho Người suy nghĩ Khát vọng)
4. The Thinker's Guide to Ethical Reasoning
(Hướng dẫn Đạo đức Lý luận cho Người suy nghĩ)
5. The Thinker's Guide to Socratic Questioning
(Hướng dẫn Đặt câu hỏi Thần quyền cho Người suy nghĩ)
6. The Thinker's Guide to Fallacies
(Hướng dẫn Ngụy biện cho Người suy nghĩ)
7. The Art of Asking Essential Questions, Fifth Edition
(Nghệ thuật Đặt câu hỏi Thiết yếu, Ấn bản thứ 5)
8. Student Guide to Historical Thinking
(Hướng dẫn dành về Lịch sử tư duy cho Sinh viên)
9. Thinker's Guide to the Human Mind
(Hướng dẫn về Tâm trí Nhân loại cho Người suy nghĩ)
10. The Thinker's Guide to Scientific Thinking
(Hướng dẫn Tư duy Khoa học cho Người suy nghĩ)
11. The Thinker's Guide to Clinical Reasoning
(Hướng dẫn về Lý luận Lâm sàng cho Người suy nghĩ)

12. The Thinker's Guide to Engineering Reasoning
(Hướng dẫn Kỹ thuật Lý luận cho Người suy nghĩ)
13. The Nature and Functions of Critical & Creative Thinking
(Bản chất và Chức năng của Tư duy Phản biện & Sáng tạo)
14. The Thinker's Guide for Conscientious Citizens on How to Detect Media Bias and Propaganda in National and World News, Fourth Edition
(Hướng dẫn Người suy nghĩ dành cho những Công dân có lương tâm về cách phát hiện sự thiên vị và tuyên truyền của phương tiện truyền thông trong tin tức quốc gia và thế giới, Ấn bản thứ 4)
15. The Thinker's Guide for Students on How to Study & Learn a Discipline, Second Edition
(Hướng dẫn của Người suy nghĩ dành cho Sinh viên về Cách Nghiên cứu & Học Kỹ luật, Ấn bản thứ 2)
16. How to Read a Paragraph: The Art of Close Reading, Second Edition
(Làm sao để Đọc một Đoạn văn: Nghệ thuật Đọc đóng, Ấn bản thứ 2)
17. How to Write a Paragraph: The Art of Substantive Writing
(Làm sao để Viết một Đoạn văn: Nghệ thuật Nội dung Viết)
18. The International Critical Thinking Reading and Writing Test, Second Edition
(1 Bài kiểm tra Đọc và Viết Tư duy Phản biện quốc tế, Ấn bản thứ 2)
19. The Thinker's Guide to Intellectual Standards
(Hướng dẫn về Tiêu chuẩn Trí thức cho Người suy nghĩ)
20. A Critical Thinker's Guide to Educational Fads
(Hướng dẫn của Nhà tư duy Phản biện về Mốt Giáo dục)
21. The Miniature Guide to Practical Ways for Promoting Active and Cooperative Learning, Third Edition
(Hướng dẫn thu nhỏ về các cách thực tế để Thúc đẩy Học tập và Hợp tác Tích cực, Ấn bản thứ 3)
22. How to Improve Student Learning: 30 Practical Ideas
(Làm sao để Cải thiện Học tập ở Sinh viên: 30 Ý tưởng Thực dụng)
23. A Guide for Educators to Critical Thinking Competency Standards
(Một Hướng dẫn cho Nhà giáo dục về Năng lực Tư duy Phản biện Tiêu chuẩn)

Rowman & Littlefield hân hạnh là nhà phân phối của Thư viện Hướng dẫn của Người suy nghĩ. Xin vui lòng truy cập www.rowman.com hoặc cuộc gọi 1-800-462-640 để biết thêm thông tin.

Dành tặng Richard Paul

Cuốn sách này dành riêng cho cuộc đời và sự nghiệp của Richard W. Paul (1937–2015), một trong số ít những Người suy nghĩ và học giả thực sự nguyên bản trong lĩnh vực nghiên cứu tư duy phản biện, người đã dành cả cuộc đời mình để hiểu và soi sáng những điều cốt yếu nhất các khái niệm và nguyên tắc cốt lõi tích hợp nhất trong tư duy phản biện. Thông qua những công cụ trí tuệ này và hơn nữa, bằng cách nhấn mạnh vào ý thức mạnh mẽ hoặc tư duy phản biện công bằng, Paul đã cách mạng hóa lý thuyết và quá trình tư duy phản biện.

Về các tác giả



TS. Linda Elder là một nhà tâm lý học giáo dục, người đã giảng dạy cả tâm lý học và tư duy phản biện ở trình độ đại học. Bà là chủ tịch của Foundation for Critical Thinking và là giám đốc điều hành của Trung tâm Tư duy Phản biện. Tiến sĩ Elder có mối quan tâm đặc biệt đến mối quan hệ giữa suy nghĩ và cảm xúc, nhận thức và tình cảm, và đã phát triển một lý thuyết ban đầu về các giai đoạn phát triển tư duy phản biện. Bà đã đồng tác giả bốn cuốn sách về tư duy phản biện, cũng như 25 cuốn Hướng dẫn của Người suy nghĩ. Bà là một người thuyết trình năng động với nhiều kinh nghiệm trong các hội thảo hàng đầu về tư duy phản biện.



TS. Richard Paul là người đề xướng hàng đầu về tư duy phản biện cho đến khi ông qua đời vào tháng 8 năm 2015. Trong công việc và di sản của mình, Paul vẫn là người có uy tín quốc tế về tư duy phản biện. Ông thành lập Trung tâm Tư duy Phản biện tại Đại học Sonoma State vào năm 1980, sau đó là Quỹ Tư duy Phản biện. Trong cuộc đời của mình, ông đã phát triển các khái niệm, nguyên tắc và lý thuyết cần thiết cho một quan niệm mạnh mẽ và công bằng về tư duy phản biện; ông đã làm việc bền bỉ để nâng cao tư duy phản biện có đạo đức, hay ý thức mạnh mẽ trong toàn bộ nền giáo dục và xã hội. Trong cuộc đời của mình, Paul là tác giả của hơn hai trăm bài báo và bảy cuốn sách về tư duy phản biện. Ông đã trình bày các hội thảo cho hàng trăm nghìn nhà giáo dục trong lịch sử 35 năm của mình với tư cách là nhà lãnh đạo chính trong phong trào tư duy phản biện.

MỤC LỤC

Nền tảng cho Tư duy Phản biện và Thư viện Hướng dẫn của Người suy nghĩ	4
Dành tặng Richard Paul	6
MỤC LỤC.....	7
GIỚI THIỆU	9
Tại sao Tư duy phản biện?	11
Các giai đoạn phát triển Tư duy phản biện.....	12
Một cách tiếp cận thực chất đối với Tư duy phản biện	13
Các nhà Tư duy Phản biện thường xuyên áp dụng các tiêu chuẩn trí tuệ cho các yếu tố lý luận	14
Ba loại tính cách	15
CÁC THÀNH TỐ CỦA TƯ DUY.....	16
Tám thành phần tạo nên mọi lý luận	16
Câu hỏi sử dụng các thành tố của tư duy.....	17
Danh mục kiểm tra việc lý luận.....	18
Đầu óc khám phá.....	20
TIÊU CHUẨN CHUNG VỀ TRÍ TUỆ.....	21
Và những câu hỏi có thể được sử dụng để áp dụng chúng.....	21
Một số tiêu chuẩn về trí tuệ cho mọi suy nghĩ của con người.....	23
Tiêu chuẩn trí tuệ đến từ đâu?	25
PHẨM CHẤT TRÍ TUỆ CỦA NGƯỜI TƯ DUY PHẢN BIỆN CÔNG BẰNG.....	26
Đặc điểm thiết yếu của trí tuệ.....	27
Mối liên hệ giữa các đức tính trí tuệ.....	31
LINH HỒN CỦA TƯ DUY PHẢN BIỆN.....	32
Mẫu phân tích tính logic của một bài báo	33
Tiêu chí đánh giá lý luận	34
Một trình tự mẫu để giải quyết vấn đề.....	35
Phân tích và đánh giá nghiên cứu.....	36
Ba loại câu hỏi	38
Ba cấp độ của tư duy	40

CON NGƯỜI THƯỜNG TƯ DUY PHI LÝ TRÍ TRONG KHI CÓ KHẢ NĂNG SUY NGHĨ LÝ TRÍ.....	41
Con người thường bóp méo thực tế qua lăng kính phi lý trí	42
Vấn đề của tư duy quy-ngã.....	43
Các cảm xúc đi kèm với tư duy quy-ngã.....	44
Vấn đề của tư duy quy-xã.....	45
Các dạng chính của Tư duy quy-xã.....	46
Khía cạnh phi đạo đức của nghị trình nhóm.....	48
Hình dung các xã hội phản biện	49
20 RÀO CẢN ĐỐI VỚI CÁC XÃ HỘI PHẢN BIỆN	50
ĐIỀU CẦN THIẾT LÀ PHẢI PHÂN BIỆT CÁC CÂU HỎI VỀ ĐẠO ĐỨC, QUY ƯỚC XÃ HỘI, TÔN GIÁO VÀ LUẬT PHÁP.....	51

GIỚI THIỆU

Cuốn sách nhỏ nhưng “có võ” này chứa đựng các khái niệm và nguyên tắc tư duy phản biện cốt lõi được chắt lọc trong kích thước nhỏ gọn. Những nguyên tắc này được áp dụng phổ biến cho lý luận của con người trong mọi lĩnh vực học thuật, kỹ luật và nghề nghiệp hợp pháp. Chúng làm nảy sinh các kỹ năng, khả năng và đặc điểm của những người suy nghĩ chín chắn; chúng soi sáng những rào cản bẩm sinh đối với tính phản biện.

Trong suốt lịch sử loài người, nhìn chung, khái niệm tư duy phản biện được tiếp cận theo cách rất hời hợt. Trong các ngành học, lý luận phản biện phần lớn vẫn bị hiểu sai hoặc bị bỏ qua. Tuy nhiên, cách duy nhất để hiểu bất kỳ chủ đề nào là lập luận thông qua các vấn đề trong chủ đề đó bằng cách sử dụng lý luận của riêng một người. Khi bạn phát triển kỹ năng lập luận theo cách của bạn thông qua các câu hỏi trong một lĩnh vực học thuật và bắt đầu hình thành các câu hỏi của riêng bạn, bạn đang học cách suy nghĩ như một học giả.

Người tư duy phản biện thường xuyên làm rõ mục đích của họ và các câu hỏi được đề cập trong một tình huống hoặc bối cảnh nhất định. Họ đặt câu hỏi về thông tin, kết luận và quan điểm. Họ cố gắng trở nên rõ ràng, chính xác và phù hợp. Họ không bóp méo thông tin hoặc sử dụng thông tin sai lệch để tranh cãi cho góc nhìn của họ. Họ hành động thiện chí khi liên hệ với người khác và đại diện cho quan điểm của người khác. Họ nhìn bên dưới bề mặt; chúng hợp. Họ áp dụng các kỹ năng lập luận phản biện để đọc và viết, cũng như nói và nghe. Họ áp dụng những kỹ năng này trong lịch sử, khoa học, toán học, triết học, nghệ thuật cũng như cuộc sống cá nhân và nghề nghiệp.

Phát triển như một người tư duy phản biện đòi hỏi phải tập trung rõ ràng vào các quá trình diễn ra tự nhiên trong lý luận của bạn và học cách can thiệp vào lý luận kém chất lượng của bạn. Nó có nghĩa là phát triển sự quan tâm sâu sắc đến cách tâm trí của bạn chuyển từ một cách nhận thức từ ý tưởng này sang ý tưởng khác, nguyên nhân khiến những động thái cụ thể này xảy ra thay vì những động thái khác, và cách can thiệp vào quá trình khi những sai sót được phát hiện trong bất kỳ suy nghĩ nào của bạn. Nói cách khác, các Người suy nghĩ phản biện quan tâm nhiều đến các khía cạnh có vấn đề trong suy nghĩ của họ, và họ tìm kiếm các lĩnh vực vấn đề này, nhắm mục tiêu chúng và thay đổi điều gì đó trong suy nghĩ của họ để lập luận hợp lý, hợp lý và chính đáng hơn. Rèn luyện tư duy phản biện có nghĩa là học cách nắm quyền chỉ huy những suy nghĩ điều khiển bạn, từ đó trải nghiệm cảm giác hạnh phúc hơn, hài lòng hơn về bản thân.

Ấn bản mới nhất của “Hướng dẫn thu nhỏ về Tư duy Phản biện: Khái niệm và Công cụ” này chứa tất cả nguyên tắc từ phiên bản trước của chúng tôi và tiếp tục giải nén và gỡ cảnh hóa công việc lý thuyết có trong hướng dẫn gốc — tập trung vào các yếu tố lý luận, tiêu chuẩn dân trí phổ thông, và đức tính trí tuệ hoặc đặc điểm tính cách. Cuốn sách này cung cấp thêm lý thuyết tư duy phản biện và các chiến lược để cải thiện lý luận trong các lĩnh vực khác nhau của cuộc sống con người và nghiên cứu con người, sẽ giúp người đọc hiểu rõ hơn các công cụ cơ bản của tư duy phản biện và áp dụng chúng trong các môn học và lĩnh vực. Nhiều tài liệu hơn đã được đưa vào cuốn sách này về những rào cản đối với tư duy phản biện để giúp người đọc hiểu được sức mạnh của những rào cản này trong việc cản trở tư tưởng phản biện. Chúng ta đặt

những trở ngại này dưới các phạm trù rộng lớn của tư tưởng vị kỷ và tập trung xã hội, là nguyên nhân gây ra các hiện tượng phổ biến như tính khép nép, tự lừa dối, hợp lý hóa, kiêu ngạo trí tuệ, đạo đức giả, tham lam, ích kỷ, tâm lý bầy đàn, thành kiến, và nhiều cách bệnh lý khác trong đó mọi người suy nghĩ, cảm nhận và hành động. Cuối cùng, chúng tôi kết thúc bằng việc giải thích cặn kẽ quan niệm của chúng tôi về xã hội phản biện và những gì sẽ có giá trị rộng rãi hoặc phổ biến trong đời sống con người, là tư duy phản biện đã bao giờ trở thành hiện thực sâu rộng.

Cuốn sách này mở ra nhiều con đường để cải thiện các quyết định cá nhân và nghề nghiệp thông qua tư duy phản biện. Đối với sinh viên, nó là phần bổ sung tư duy phản biện cho bất kỳ sách giáo khoa nào cho bất kỳ khóa học nào, vì nó đặt nền tảng cho lý luận thông qua tất cả các môn học, chuyên ngành và nghề nghiệp. Đối với các khoa giảng dạy chuyên môn, nó cung cấp một khái niệm chung về tư duy phản biện. Giảng viên có thể sử dụng cuốn sách này để thiết kế hướng dẫn, bài tập và phương pháp đánh giá trong bất kỳ môn học nào. Khi hướng dẫn này được sử dụng như một phần bổ sung cho sách giáo khoa trong nhiều khóa học, sinh viên bắt đầu nhận thấy sự hữu ích của tư duy phản biện trong mọi lĩnh vực học tập. Nếu giảng viên của họ cung cấp các ví dụ về việc áp dụng môn học vào cuộc sống hàng ngày, sinh viên bắt đầu nhận thức đúng đắn giáo dục như một công cụ để nâng cao chất lượng cuộc sống của họ.

Nếu bạn là sinh viên sử dụng hướng dẫn này, hãy tham khảo nó thường xuyên trong việc phân tích và tổng hợp những gì bạn đang học. Hãy hướng tới sự hiểu biết sâu sắc về các nguyên tắc bạn tìm thấy trong đó — cho đến khi việc sử dụng chúng trở thành bản chất thứ hai. Nếu thành công, hướng dẫn này sẽ đồng thời phục vụ giảng viên, sinh viên và công chúng.

Tại sao Tư duy phản biện?

Đặt vấn đề:

Ai cũng nghĩ, con người chúng ta là như vậy. Nhưng phần lớn suy nghĩ của chúng ta, tự nó, là thành kiến, méo mó, một phần, không hiểu biết hoặc thành kiến hoàn toàn. Tuy nhiên, chất lượng cuộc sống của chúng ta và chất lượng của những gì chúng ta sản xuất, chế tạo hoặc xây dựng phụ thuộc chính xác vào chất lượng suy nghĩ của chúng ta. Tư duy kém chất lượng gây tổn kém cả về tiền bạc và chất lượng cuộc sống. Tuy nhiên, sự xuất sắc trong tư tưởng phải được trau dồi một cách có hệ thống.

Định nghĩa:

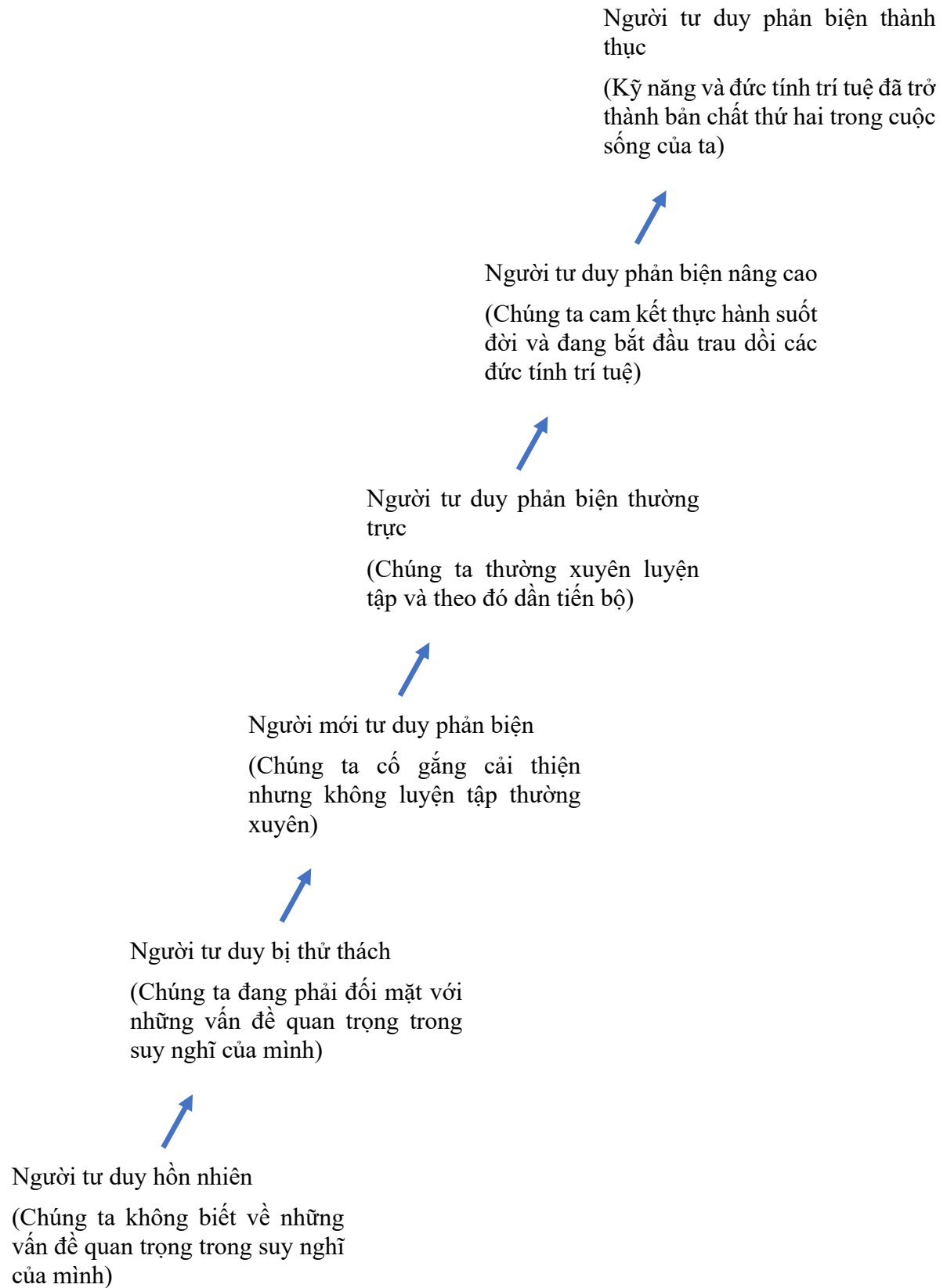
Tư duy phản biện là nghệ thuật phân tích và đánh giá các quá trình suy nghĩ nhằm cải thiện chúng. Tư duy phản biện là tư duy tự định hướng, tự kỷ luật, tự giám sát và tự sửa chữa. Nó đòi hỏi các tiêu chuẩn khắt khe về sự xuất sắc và cách sử dụng có ý thức. Nó đòi hỏi khả năng giao tiếp hiệu quả và khả năng giải quyết vấn đề, cũng như cam kết vượt qua tình trạng quy-ngã (egocentrism – lấy mình làm trung tâm) và quy-xã (sociocentrism – lấy nhóm xã hội làm trung tâm) của chúng ta. Nó nâng cao tính cách và sự nhạy cảm về đạo đức của người tận tụy thông qua việc trau dồi các đức tính trí tuệ một cách rõ ràng.

Kết quả:

Một người tư duy phản biện được trau dồi tốt:

- đặt ra các câu hỏi và vấn đề quan trọng, xây dựng chúng một cách rõ ràng và chính xác;
- thu thập và đánh giá thông tin liên quan, sử dụng các ý tưởng trừu tượng để giải thích nó một cách hiệu quả;
- đưa ra các kết luận và giải pháp hợp lý, kiểm tra chúng dựa trên các tiêu chí và tiêu chuẩn liên quan;
- suy nghĩ cởi mở trong các hệ thống suy nghĩ thay thế, nhận biết và đánh giá, nếu cần, các giả định, hàm ý và hậu quả thực tế của chúng;
- giao tiếp hiệu quả với những người khác trong việc tìm ra giải pháp cho các vấn đề phức tạp;
- hết sức cẩn thận để không xuyên tạc hoặc bóp méo thông tin trong việc phát triển lập luận hoặc lập trường, đồng thời nhìn thấu thông tin sai lệch và tin tức giả mạo.

Các giai đoạn phát triển Tư duy phản biện



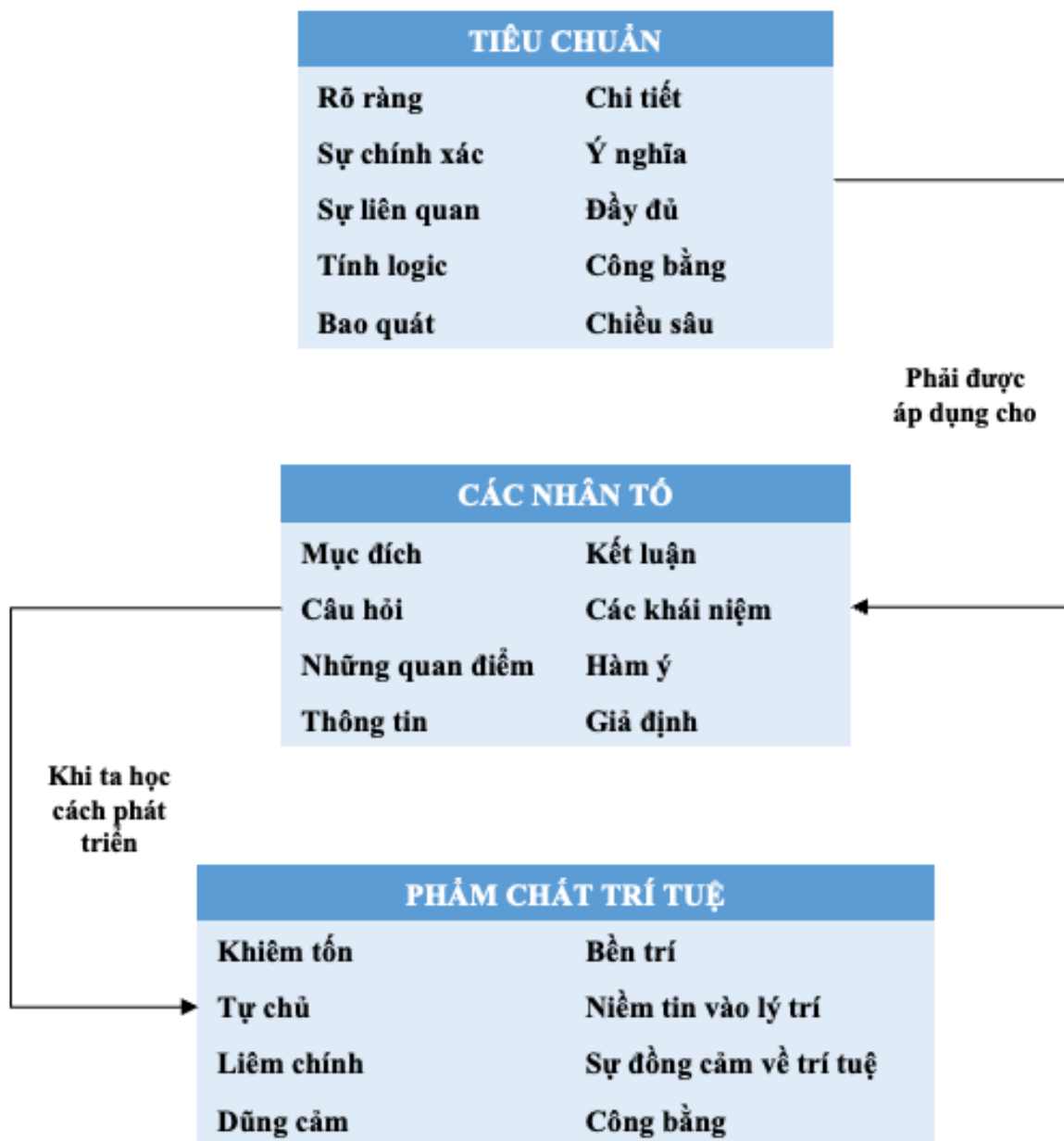
Một cách tiếp cận thực chất đối với Tư duy phản biện

Một khái niệm hữu ích về tư duy phản biện bao gồm việc phân tích và đánh giá lý luận một cách có kỷ luật như một người trau dồi các đức tính trí tuệ. Quá trình này kéo theo mối quan tâm về hai rào cản chính đối với tính phản biện – tính quy-ngã và quy-xã - vốn rất phổ biến trong tư duy và đời sống của con người.



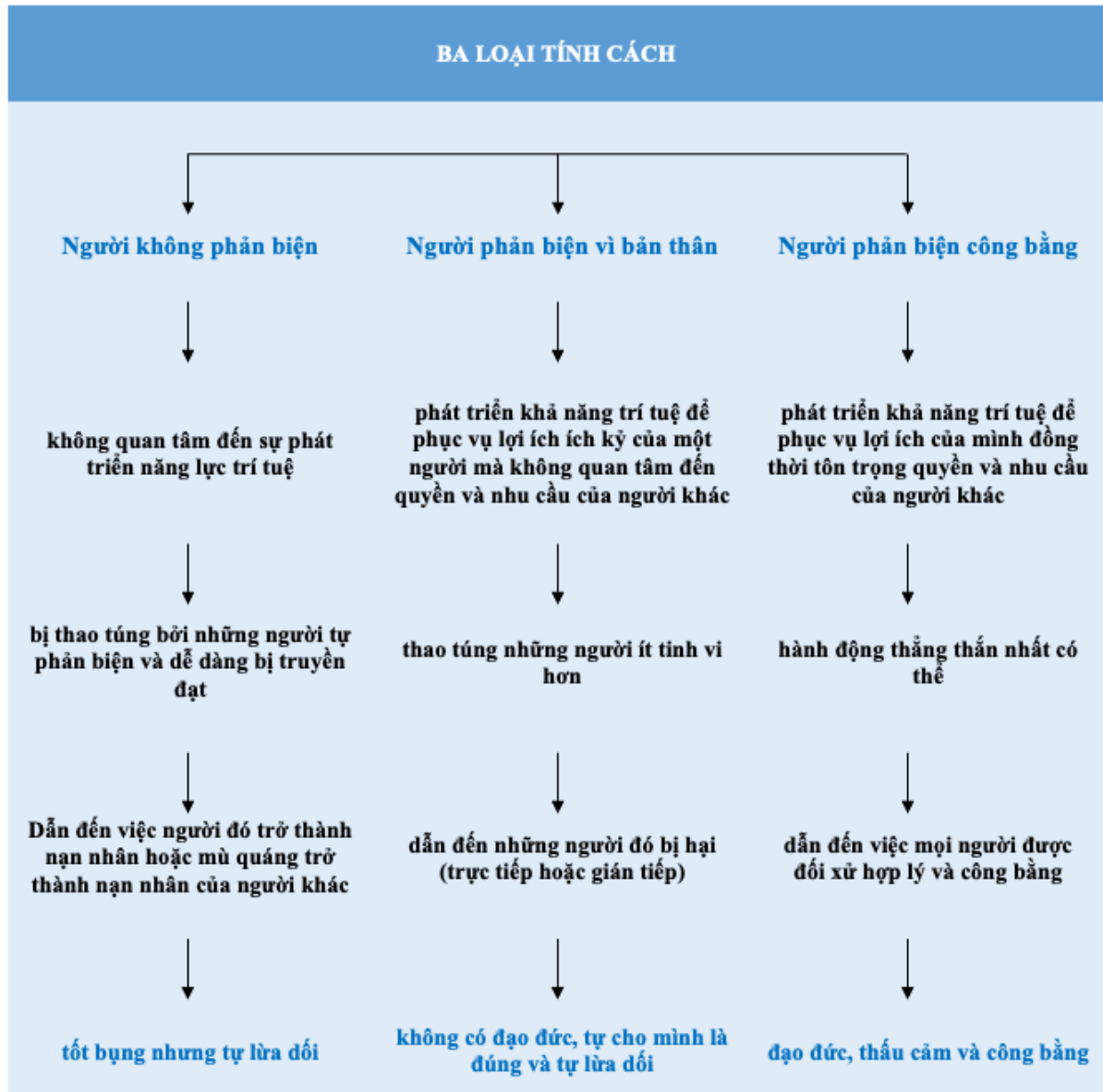
Các nhà Tư duy Phản biện thường xuyên áp dụng các tiêu chuẩn trí tuệ cho các yếu tố lý luận

Những người tuân theo các tiêu chuẩn trí tuệ liên quan khi lý luận thông qua các vấn đề trong những phần thiết yếu của cuộc sống con người phát triển các đức tính trí tuệ ngày càng tăng theo thời gian.



Ba loại tính cách

Người phản biện công bằng mong muốn thể hiện đức tính trí tuệ trong mọi tình huống. Người phản biện vì bản thân có kỹ năng lập luận nhưng nhìn chung không quan tâm đến quyền lợi của người khác. Người không có tư duy phản biện không quan tâm đến suy nghĩ và do đó dễ bị thao túng. Trong thực tế, mỗi người là hiện thân của một số phần của mỗi kiểu tính cách này.



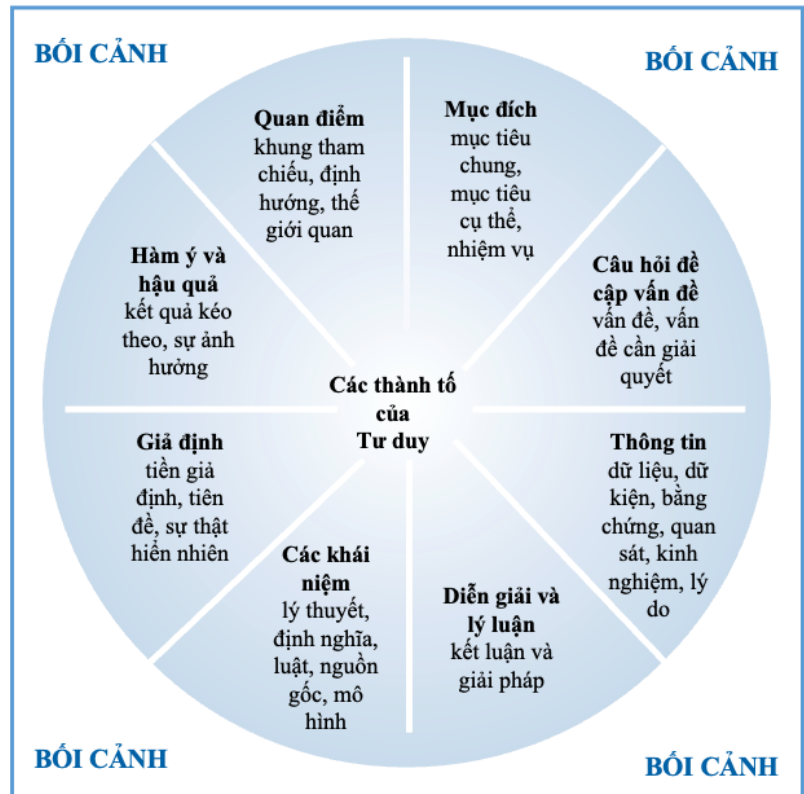
CÁC THÀNH TỐ CỦA TƯ DUY

Tám thành phần tạo nên mọi lý luận

Cấu trúc cơ bản gồm 8 phần hiện diện trong mọi tư duy: Bất cứ khi nào chúng ta suy nghĩ, chúng ta suy nghĩ có mục đích trong một quan điểm dựa trên những giả định dẫn đến những hàm ý và hậu quả. Chúng ta sử dụng các khái niệm, ý tưởng và các lý thuyết để giải thích dữ liệu, sự việc và kinh nghiệm nhằm trả lời câu hỏi, giải quyết vấn đề và đưa ra quyết định.

Gồm:

- Nêu được các mục đích
- Đặt ra các câu hỏi
- Sử dụng thông tin
- Áp dụng các khái niệm
- Hình thành nên các lý luận
- Hình thành các giả thuyết
- Nêu được các hàm ý
- Thể hiện được một quan điểm



Người tư duy phản biện sử dụng nhạy bén các thành phần của lý luận như phổ quát tri thức theo tiêu chí, theo tiêu chuẩn như độ rõ ràng, độ đúng đắn, độ chính xác, sự thích hợp, ý nghĩa, chiều sâu, bề rộng, tính logic, hiệu quả và công bằng.

Câu hỏi sử dụng các thành tố của tư duy

Nhớ rằng các thành phần của lý luận được bao hàm trong tất cả lý luận, cả của bạn và của người khác. Sử dụng những câu hỏi mở và phân chiết lý luận khi viết bài báo hoặc đọc gì đó cho nhóm hoặc có ý nghĩa với chính bản thân bạn.

Mục đích:

Tôi đang cố gắng hoàn thành điều gì?

Mục tiêu trọng tâm của tôi là gì? Mục đích của tôi?

Câu hỏi:

Tôi đang nêu câu hỏi gì?

Những câu hỏi nào chúng ta nên xác định?

Tôi xem xét đến tính phức tạp trong câu hỏi?

Thông tin:

Thông tin nào đang được tôi sử dụng để đưa ra những kết luận?

Thông tin nào tôi cần xử lý câu hỏi?

Làm thế nào tôi biết thông tin là sự thật?

Kết luận:

Làm thế nào để tôi đạt được kết luận này?

Có cách nào khác để giải thích thông tin không?

Khái niệm:

Ý tưởng chính ở đây là gì?

Tôi có thể giải thích ý tưởng này không?

Giả định:

Tôi đang coi điều gì là đương nhiên?

Giả thiết nào đã dẫn tôi đến kết luận này?

Hàm ý/ Hậu quả:

Nêu ai đó chấp nhận quan điểm của tôi, thì hệ quả quan trọng là gì? Nói cách khác, nó sẽ kéo theo điều gì?

Tôi đang ám chỉ điều gì?

Quan điểm:

Tôi đang nhìn nhận vấn đề này dựa trên quan điểm nào?

Có quan điểm nào khác mà tôi nên xem xét không?

Danh mục kiểm tra việc lý luận

1. Mọi lý luận đều có MỤC ĐÍCH.

- Bạn có thể nêu rõ ràng mục đích của mình không?
- Mục tiêu lý luận của bạn là gì?
- Lý luận của bạn có tập trung xuyên suốt vào mục tiêu của bạn không?
- Mục đích của bạn có công bản trong bối cảnh, xem xét tất cả những người có liên quan hoặc các hình thái khác không?
- Mục tiêu của bạn có thực tế không?

2. Tất cả lý luận đều là một nỗ lực để tìm ra điều gì đó, để giải quyết một số CÂU HỎI, hoặc giải quyết một số VẤN ĐỀ.

- Bạn đang cố gắng trả lời câu hỏi chính nào?
- Có cách nào khác để suy nghĩ về các câu hỏi không?
- Bạn có thể chia câu hỏi thành các câu hỏi phụ không?
- Một câu hỏi bạn có đúng một câu trả lời hay có hơn một câu trả lời?
- Một câu hỏi có dẫn đến sự phán xét hơn là tìm ra sự thật không?

3. Tất cả lý luận đều dựa trên GIẢ ĐỊNH.

- Bạn đang đưa ra những giả định nào? Chúng có hợp lý không?
- Các giả định của bạn định hình quan điểm của bạn như thế nào?
- Giả định nào của bạn có thể được đặt câu hỏi một cách hợp lý?

4. Tất cả các lý luận được thực hiện từ một số QUAN ĐIỂM.

- Quan điểm của bạn là gì? Nó dựa trên những nền tảng nào? Điểm yếu của nó là gì?
- Những quan điểm nào khác cần được xem xét trong lý luận thông qua vấn đề này? Điểm mạnh và điểm yếu của những quan điểm này là gì? Bạn có cân nhắc những quan điểm đằng sau những quan điểm này không?

5. Tất cả lý luận đều dựa trên DỮ LIỆU, THÔNG TIN và BẰNG CHỨNG.

- Dữ liệu liên quan hỗ trợ lập luận của bạn ở mức nào?
- Làm thế nào bạn có thể đảm bảo lý luận của bạn dựa trên thông tin chính xác

hoặc đúng sự thật?

- Làm thế nào để bạn biết rằng bạn không bóp méo thông tin để phù hợp với bạn hoặc được lợi ích riêng?
- Dữ liệu có gợi ý những lời giải thích mà bạn đã đưa ra không?
- Dữ liệu rõ ràng, chính xác và có liên quan như thế nào đối với câu hỏi đang được đề cập?
- Bạn đã thu thập dữ liệu phù hợp để đưa ra kết luận hợp lý chưa?

6. Tất cả lý luận đều được thể hiện thông và được định hình bởi các KHÁI NIỆM và LÝ THUYẾT.

- Những ý tưởng và lý thuyết chính nào đang định hướng lý luận của bạn?
- Có những lý giải thay thế nào dựa trên những khái niệm và các lý thuyết này không?
- Bạn có chủ đích dẫn dắt những ý tưởng định hướng lý luận của bạn và kiểm soát chất lượng cuộc sống của bạn không?
- Bạn có đang bóp méo các ý tưởng để không phù hợp với những vấn đề của bạn không?

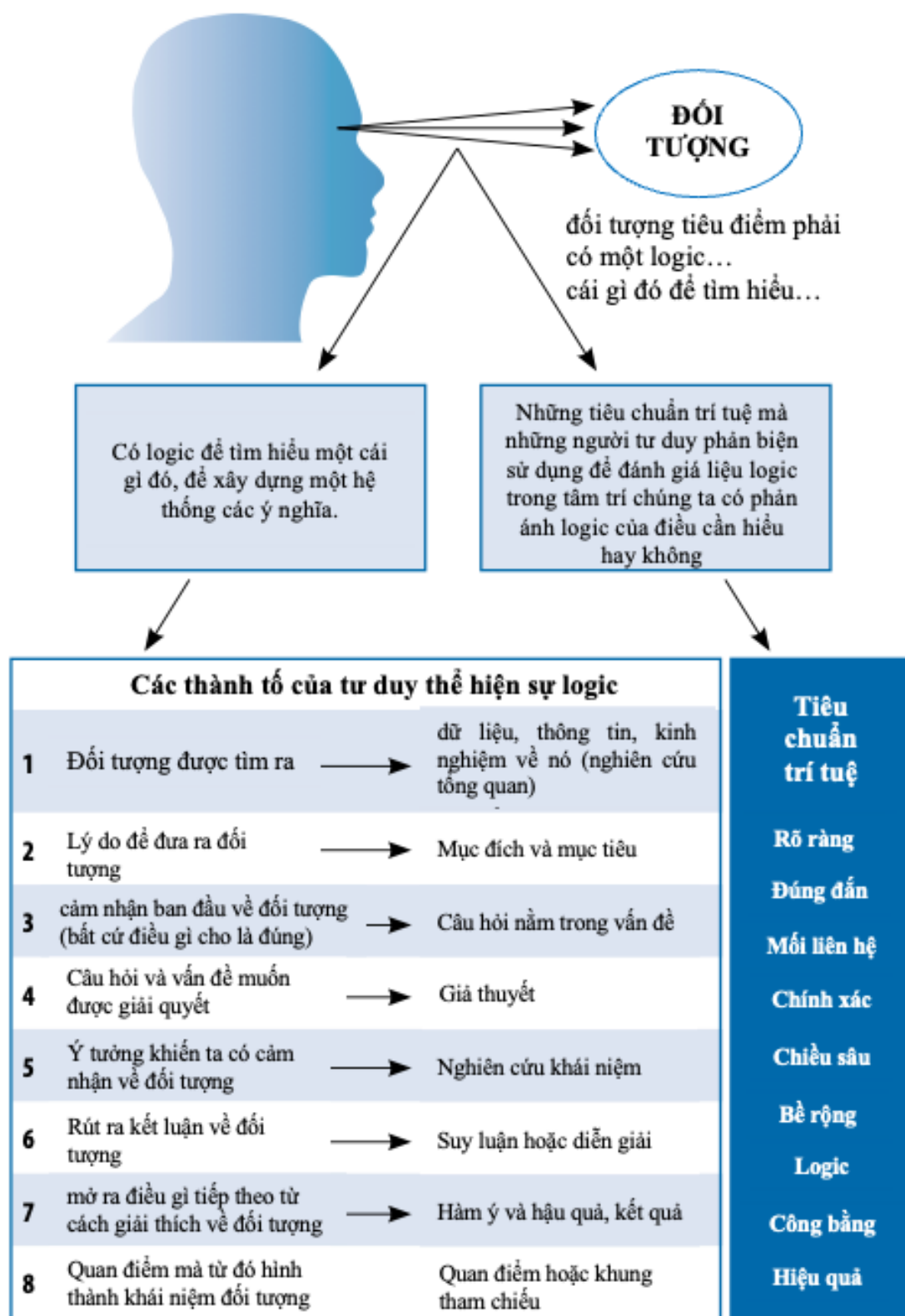
7. Tất cả lý luận đều chứa THÔNG TIN hoặc GIẢI THÍCH mà qua đó chúng ta rút ra được KẾT LUẬN và cung cấp ý nghĩa cho dữ liệu.

- Dữ liệu hỗ trợ kết luận của bạn ở mức độ nào?
- Các lý luận của bạn có nhất quán với nhau không?
- Những lý luận nào hợp lý khác cần được xem xét không?
- Bạn có thể xem xét các khả năng thay thế khi đi đến kết luận không? Hay bạn ép mình vào một cách diễn giải tình huống.

8. Mọi lý luận đều dẫn đến đâu đó và có HÀM Ý và HẬU QUẢ

- Suy luận của bạn có những hàm ý và hậu quả nào?
- Nếu chúng tôi chấp nhận dòng suy luận của bạn thì những tác động hoặc kết quả nào có thể xảy ra?
- Nếu bạn quyết định làm X, điều gì có thể xảy ra ngay sau quyết định của bạn? Điều gì có thể xảy ra sau khi hành động theo quyết định đó về lâu dài khi các hệ lụy và khó khăn trở nên phức tạp?

Đầu óc khám phá



TIÊU CHUẨN CHUNG VỀ TRÍ TUỆ

Và những câu hỏi có thể được sử dụng để áp dụng chúng

Để trở thành người tư duy hiệu quả, chúng ta phải vượt xa những suy nghĩ rời rạc. Chúng ta cũng phải áp dụng các tiêu chuẩn về thành tố lý luận để đánh giá tư duy của chúng ta và đảm bảo chất lượng của nó. Việc áp dụng thường xuyên, nhất quán và xem xét có chủ đích các tiêu chuẩn trí tuệ vào lý luận, theo thời gian, dẫn đến việc trau dồi các đức tính trí tuệ. Để học được, các tiêu chuẩn này phải được chỉ ra một cách rõ ràng. Mục tiêu cuối cùng là để những tiêu chuẩn này ngấm vào suy nghĩ của bạn, hình thành nên một phần tiếng nói bên trong của bạn và định hướng cho bạn một suy luận tốt hơn.

RÕ RÀNG

Rõ ràng là một tiêu chuẩn đầu tiên. Nếu một lý luận không rõ ràng, chúng ta không thể xác định liệu nó có chính xác hoặc có liên quan hay không. Trên thực tế, chúng ta không thể nói bất cứ điều gì về nó bởi vì chúng ta chưa biết nó đang nói gì. Ví dụ, câu hỏi “Có thể làm gì với hệ thống giáo dục tại Hoa Kỳ?” là không rõ ràng. Để giải quyết một cách thoả đáng câu hỏi, chúng ta cần hiểu rõ hơn về điều mà người đặt câu hỏi đang xem xét “vấn đề” là. Một câu hỏi rõ ràng hơn có thể là “Các nhà giáo dục có thể làm gì để đảm bảo rằng học sinh được học các kỹ năng và áp dụng chúng để thực sự thành công trong công việc và trong việc ra quyết định hàng ngày?”

CHÍNH XÁC

Một lý luận có thể rõ ràng nhưng không mang tính chi tiết, như “Tuyệt đại đa số các con chó nặng hơn 300 cân”.

CHI TIẾT

Một lý luận có thể vừa rõ ràng, vừa đúng đắn nhưng không chính xác, như “Jack thừa cân.” (Chúng tôi không biết Jack thừa cân cụ thể là bao nhiêu, 1 cân hay 500 cân).

LIÊN QUAN

Một lý luận có thể rõ ràng, đúng đắn và chính xác nhưng không liên quan đến câu hỏi được đề cập. Ví dụ, sinh viên thường nghĩ rằng số tiền mà họ chi cho một khoá học nên được sử dụng để nâng cao trình độ của họ. Tuy nhiên, số tiền mà họ chi cho một khoá học không đo lường chất lượng học tập của người học và khi đó, sự nỗ lực không liên quan đến cấp độ học tập của chúng.

CHIỀU SÂU

Một lý luận có thể rõ ràng, đúng đắn, chính xác và được đề cập đúng, nhưng đó là các yếu tố bề mặt (nó thiếu đi chiều sâu). Ví dụ: Khẩu hiệu: “Nói KHÔNG với ma túy!”, được sử dụng trong một số năm để khuyến khích trẻ em và thanh thiếu niên từ chối việc sử dụng ma túy, điều này rõ ràng, đúng đắn, chính xác và phù hợp. Thật tai hại, những người sử dụng cách này để xử lý một vấn đề rất phức tạp - vấn đề phổ biến của việc sử dụng ma túy trong giới trẻ - thật nông cạn. Nó không giải quyết được sự phức tạp của vấn đề.

BỀ RỘNG

Một dòng suy luận có thể rõ ràng, chính xác, phù hợp và sâu sắc nhưng thiếu bề rộng (như trong một lập luận từ quan điểm bảo thủ hoặc tự do đi sâu vào một vấn đề nhưng chỉ nhận ra những hiểu biết sâu sắc về một mặt của câu hỏi).

LOGIC

Khi chúng ta suy nghĩ, chúng ta tạo ra một trật tự nào đó để tập hợp nhiều suy luận lại với nhau. Khi kết hợp những suy luận hỗ trợ nhau và có ý nghĩa trong sự kết hợp, thì suy luận là logic. Khi kết hợp không hỗ trợ lẫn nhau, mâu thuẫn với nhau theo một nghĩa nào đó hoặc không có ý nghĩa, thì sự kết hợp đó là phi logic.

CÔNG BẰNG

Chúng ta suy nghĩ một cách tự nhiên từ quan điểm của riêng mình, từ một quan điểm có xu hướng nâng cao vị thế của mỗi người. Công bằng có nghĩa là đối xử với tất cả các quan điểm có liên quan như nhau mà không liên quan đến cảm xúc hoặc lợi ích riêng của chính mình. Bởi vì chúng ta có xu hướng thiên về quan điểm của bản thân, điều quan trọng là phải đặt tiêu chuẩn công bằng lên hàng đầu trong suy nghĩ của chúng ta. Điều này đặc biệt quan trọng khi xảy ra tình huống có thể buộc chúng ta nhìn thấy những thứ chúng ta không muốn thấy hoặc từ bỏ thứ gì mà chúng ta muốn nắm giữ.

Một số tiêu chuẩn về trí tuệ cho mọi suy nghĩ của con người

Rõ ràng	Bạn có thể nói chi tiết hơn nữa được không? Bạn có thể đưa cho tôi một ví dụ không? Bạn có thể minh hoạ ý nghĩa là gì không?
Chính xác	Làm thế nào chúng tôi có thể kiểm chứng điều đó? Làm thế nào chúng tôi tìm được nếu nó là sự thật? Làm thế nào chúng tôi xác minh hoặc kiểm tra điều đó?
Chi tiết	Bạn có thể cụ thể hơn không? Bạn có thể cho tôi biết thêm chi tiết không? Bạn có thể nói chính xác hơn không?
Liên quan (Phù hợp)	Điều đó có liên quan đến vấn đề như thế nào? Làm thế nào để thấy được khó khăn trong câu hỏi? Điều đó giúp chúng ta giải quyết vấn đề như thế nào?
Chiều sâu	Yếu tố nào tạo nên sự khó khăn cho vấn đề? Những sự phức tạp của câu hỏi này là gì? Những khó khăn thực sự chúng ta phải đối mặt là gì?
Bề rộng	Chúng ta cần nhìn từ một góc độ khác không? Chúng ta cần xem xét một quan điểm khác không? Chúng ta cần nhìn điều này theo những cách khác không?
Hợp lý (Logic)	Tất cả điều này đều có ý nghĩa với nhau? Đoạn văn đầu tiên phù hợp với đoạn văn cuối cùng của bạn không? Những gì bạn nói có theo một bằng chứng nào không?

Ý nghĩa	Đây có phải là vấn đề quan trọng nhất cần xem xét? Đây có phải là ý tưởng chính cần tập trung? Đâu là những vấn đề quan trọng nhất?
Công bằng	Tôi quan tâm đến vấn đề này không? Tôi có thấu hiểu cho quan điểm của người khác không? Chúng ta đã xem xét đầy đủ và công bằng các thông tin quan trọng liên quan đến giải quyết vấn đề chưa?
Đầy đủ	Chúng ta có thông tin đầy đủ để trả lời câu hỏi không? Có phải chúng ta đã bỏ đi thông tin mà chúng ta không muốn xem xét một cách công bằng để nhận được nhiều hơn cho nhóm của mình, trong khi đó chúng ta đã bỏ qua hoặc coi thường quyền và nhu cầu của những người khác?

Tiêu chuẩn trí tuệ đến từ đâu?

Các tiêu chuẩn trí tuệ đều xuất hiện rất tự nhiên, từ bản chất của suy nghĩ và những gì chúng ta cần để quá trình suy luận thực hiện.

- Theo đó, tiêu chuẩn trí tuệ về sự *rõ ràng* bắt nguồn từ thực tế là chúng ta muốn hoặc cần truyền đạt một ý nghĩa nhất định cho người khác. Ngôn ngữ không rõ ràng làm suy yếu hoặc làm thất bại mục đích đó.
- Tiêu chuẩn trí tuệ về *chính xác* bắt nguồn từ thực tế là chúng ta đang cố gắng hiểu hoặc truyền đạt mọi thứ như thực tế của chúng mà không có bất cứ sai lệch nào. Suy luận không làm mất đi mục đích đó.
- Tiêu chuẩn trí tuệ về *chi tiết* bắt nguồn từ thực tế là chúng ta cần chi tiết và đặc điểm của để thực hiện mục đích của mình. Không cung cấp thông tin chi tiết, đặc tả sẽ làm mất đi mục đích đó.
- Tiêu chuẩn trí tuệ về *tính liên quan* (phù hợp) bắt nguồn từ thực tế là ta sở hữu các thông tin có thể đúng nhưng không mang lại đáp án cho câu hỏi mà chúng ta cần trả lời. Thông tin không liên quan, khi đưa vào quá trình suy luận, khiến chúng ta lạc hướng khỏi thông tin chúng ta cần và ngăn chúng ta trả lời câu hỏi đã đặt ra.
- Tiêu chuẩn trí tuệ về *chiều sâu* bắt nguồn từ thực tế là một số vấn đề liên quan đến sự phức tạp và suy luận bỏ qua những phức tạp này nhất thiết là không được.
- Tiêu chuẩn trí tuệ về *bề rộng* bắt nguồn từ thực tế là một số vấn đề có thể chỉ xử lý bằng cách lập luận trong nhiều quan điểm. Suy luận một chiều được cho là không đầy đủ.
- Tiêu chuẩn trí tuệ về *logic (hợp lý)* xuất phát từ thực tế là suy luận không đồng nhất và mâu thuẫn nhau nhất thiết là không được.
- Tiêu chuẩn trí tuệ về *sự công bằng* bắt nguồn từ thực tế là con người thường bỏ qua các sự kiện và thông tin có liên quan khi chúng không phù hợp với sở thích hoặc mong muốn của cá nhân.
- Tiêu chuẩn trí tuệ về *sự đầy đủ* bắt nguồn từ thực tế là có thể thu thập thông tin chi tiết và rộng lớn, phù hợp và chính xác nhưng điều đó vẫn không đủ khả năng để trả lời câu hỏi đang được đề cập hoặc giải quyết vấn đề trong tầm tay.

Nhìn chung, sẽ rất khó hiểu khi nói, “Tôi muốn tư duy tốt, nhưng tôi không phân biệt được liệu suy luận của tôi có rõ ràng, đúng đắn, chính xác, phù hợp, logic, nhất quán hay công bằng không.”

PHẨM CHẤT TRÍ TUỆ CỦA NGƯỜI TƯ DUY PHẢN BIỆN CÔNG BẰNG

Những người có tư tưởng công bằng theo đuổi nhu cầu, mong muốn và đạt mục tiêu trong khi cũng xem xét ở các mức độ tương tự với thiện chí, quyền và nhu cầu của người khác. Tuy nhiên, có thể học cách sử dụng các kỹ năng của trí óc một cách hạn hẹp, phục vụ bản thân - nhiều người có khả năng làm được điều đó. Những người muốn phát triển thành những người phản biện có đạo đức sẽ làm việc thể hiện những đặc điểm sau:



Đặc điểm thiết yếu của trí tuệ

Những người có tư tưởng công bằng không chỉ trau dồi khả năng trí tuệ mà còn cả kiến thức liên quan đến trí tuệ. Điều này rất cần thiết cho sự xuất sắc của tư duy. Chúng được xác định bằng chính cái nhìn sâu sắc và sự chính trực mà bạn nghĩ. Ở đây chúng tôi chỉ tóm tắt và mô tả các đức tính trí tuệ và cung cấp các câu hỏi liên quan để thúc đẩy sự phát triển chúng. Chỉ trong điều kiện bạn sử dụng thường xuyên và tuân thủ những câu hỏi này thì bản thân mới có thể phát triển những đức tính này.

Khiêm tốn hay Kiêu ngạo

Có ý thức về hiểu biết của một người là có giới hạn, bao gồm cả sự nhạy cảm với những hoàn cảnh mà sự quy-ngã của một người có khả năng tự lừa dối bản thân, cũng như nhạy cảm với thiên vị, định kiến và những hạn chế trong quan điểm của một người. Sự khiêm tốn về trí tuệ phụ thuộc vào sự nhận thức rằng người ta không nên đòi hỏi nhiều hơn những gì người ta thực sự biết. Nó không ngụ ý về tính nhu nhược hay dễ phục tùng. Nó ngụ ý về sự biến mất dần của tự phụ, khoe khoang hoặc tự cao tự đại; kết hợp với cái nhìn sâu sắc về nền tảng logic, hoặc thiếu nền tảng như vậy, về niềm tin của một người.

- Tôi thật sự biết gì (về bản thân, về hoàn cảnh, về một người khác, về quốc gia của tôi, về những gì đang diễn ra trên thế giới)?
- Thiên vị và định kiến của tôi có ảnh hưởng đến suy nghĩ của tôi ở mức độ nào?
- Tôi có thể đã sai ở mức độ nào khi đặt vào những niềm tin?
- Làm thế nào để những niềm tin mà tôi đã chấp nhận một cách không cân nhắc ngăn cản tôi nhìn mọi thứ như chúng vốn có?

Dũng cảm hay Hèn nhát

Có ý thức về sự cần thiết phải đối mặt và giải quyết công bằng các ý tưởng, niềm tin hoặc quan điểm mà chúng ta có những cảm xúc tiêu cực mạnh mẽ và chúng ta chưa đưa ra một phiên điều trần nghiêm túc. Sự can đảm này được kết nối với sự thừa nhận rằng những ý tưởng mà chúng ta cho là nguy hiểm hoặc vô lý đôi khi được biện minh một cách hợp lý (toàn bộ hoặc một phần) và những kết luận và niềm tin khắc sâu trong chúng ta đôi khi sai hoặc gây hiểu lầm. Để xác định cho bản thân cái nào là cái nào, chúng ta không được thụ động và không phê phán chấp nhận những gì chúng ta đã “học được”. Lòng dũng cảm trí tuệ phát huy tác dụng ở đây, bởi vì chắc chắn chúng ta sẽ thấy một số sự thật trong một số ý tưởng được coi là nguy hiểm và vô lý, và sự bóp méo hoặc sai lệch trong một số ý tưởng được tổ chức mạnh mẽ trong nhóm xã hội của chúng ta. Chúng ta cần can đảm để thành thật với suy nghĩ của chính mình trong những hoàn cảnh như vậy. Các hình phạt cho sự không phù hợp có thể nghiêm trọng.

- Tôi đã phân tích niềm tin mà tôi nắm giữ ở mức độ nào?
- Tôi đã đặt câu hỏi về niềm tin của mình ở mức độ nào, nhiều trong số đó tôi đã học

được từ thời thơ ấu?

- Tôi đã thể hiện sự sẵn sàng từ bỏ niềm tin của mình ở mức độ nào khi có đủ bằng chứng chống lại chúng?
- Tôi sẵn sàng đứng lên chống lại đa số ở mức độ nào, mặc dù mọi người có thể chế giễu tôi?

Đồng cảm hay Hẹp hòi

Có ý thức về sự cần thiết phải đặt mình vào vị trí tưởng tượng của người khác để thực sự hiểu họ, điều này đòi hỏi ý thức về xu hướng ích kỷ của chúng ta là phủ nhận sự thật bằng nhận thức tức thì của chúng ta về suy nghĩ hoặc niềm tin lâu đời. Đặc điểm này tương quan với khả năng tái tạo lại chính xác quan điểm và lý luận của người khác và suy luận từ các tiền đề, giả định và ý tưởng khác ngoài quan điểm của chúng ta. Đặc điểm này cũng tương quan với việc sẵn sàng ghi nhớ những dịp chúng ta sai trong quá khứ mặc dù có niềm tin mãnh liệt rằng chúng ta đúng, và với khả năng tưởng tượng chúng ta cũng bị lừa dối tương tự trong trường hợp hiện tại.

Tự chủ hay Tuân phục

Có quyền kiểm soát hợp lý niềm tin, giá trị và suy luận của một người. Lý tưởng của tư duy phản biện là học cách suy nghĩ cho chính mình, giành quyền chỉ huy quá trình suy nghĩ của một người. Nó đòi hỏi phải cam kết phân tích và đánh giá niềm tin trên cơ sở lý trí và bằng chứng, đặt câu hỏi khi nào là hợp lý để đặt câu hỏi, tin khi nào là hợp lý để tin và tuân thủ khi nào hợp lý để tuân thủ.

- Tôi là người tuân thủ ở mức độ nào?
- Tôi chấp nhận một cách thiếu phê phán những gì tôi được chính phủ, giới truyền thông hoặc đồng nghiệp của tôi nói ở mức độ nào?
- Tôi có tự mình suy nghĩ thấu đáo các vấn đề hay tôi chỉ chấp nhận quan điểm của người khác?
- Suy nghĩ thấu đáo một vấn đề từ góc độ hợp lý, tôi có sẵn sàng đứng một mình bất chấp những lời chỉ trích phi lý của người khác không?

Liên chính hay Đạo đức giả

Nhận ra sự cần thiết phải đúng với suy nghĩ của chính mình; nhất quán trong các tiêu chuẩn trí tuệ mà người ta áp dụng; giữ bản thân theo cùng một tiêu chuẩn nghiêm ngặt về bằng chứng và bằng chứng mà người ta nắm giữ đối thủ của mình; thực hành những gì người ta ủng hộ cho người khác; và thành thật thừa nhận sự khác biệt và mâu thuẫn trong suy nghĩ.

Tôi có cư xử phù hợp với những gì tôi nói mà tôi tin tưởng, hay tôi có xu hướng nói điều này và làm điều khác?

- Tôi mong đợi bản thân ở mức độ nào giống như tôi mong đợi ở người khác?
- Trong cuộc sống của tôi có mâu thuẫn hay mâu thuẫn ở mức độ nào?
- Tôi cố gắng nhận ra và loại bỏ việc tự lừa dối mình ở mức độ nào?

Kiên trì hay Lười biếng

Có ý thức về sự cần thiết phải sử dụng những hiểu biết và sự thật trí tuệ bất chấp những khó khăn, trở ngại và thất vọng; tuân thủ vững chắc các nguyên tắc hợp lý bất chấp sự phản đối phi lý của người khác; cảm giác cần phải đấu tranh với sự nhầm lẫn và những câu hỏi bất ổn trong một thời gian dài để đạt được sự hiểu biết hoặc hiểu biết sâu sắc hơn.

- Tôi có sẵn sàng vượt qua những phức tạp trong một vấn đề hay tôi có xu hướng bỏ cuộc khi gặp khó khăn?
- Tôi có thể nghĩ ra một vấn đề trí tuệ khó khăn mà tôi đã thể hiện sự kiên nhẫn và quyết tâm trong việc vượt qua những khó khăn không?
- Tôi có chiến lược nào để giải quyết các vấn đề phức tạp không?
- Tôi có mong đợi việc học trở nên dễ dàng hay tôi nhận ra tầm quan trọng của việc tham gia vào công việc trí tuệ đầy thử thách?

Tự tin vào lý luận hay Không tin tưởng vào lý luận và bằng chứng

Tự tin rằng, về lâu dài, con người sẽ tốt hơn nếu nó đánh giá cao lý luận, khuyến khích mỗi người tự suy nghĩ bằng năng lực lý trí của riêng mình; tin rằng, với sự khuyến khích và bồi dưỡng thích hợp, mọi người có thể học cách tự suy nghĩ, hình thành quan điểm hợp lý, rút ra kết luận có lý luận, suy nghĩ mạch lạc và logic, thuyết phục lẫn nhau bằng lý luận và trở thành những người có lý luận, bất chấp những trở ngại sâu xa trong bản chất của tâm trí con người và xã hội như chúng ta biết.

- Tôi có sẵn sàng thay đổi vị thế của mình khi bằng chứng dẫn đến một vị thế hợp lý hơn không?
- Tôi có tuân thủ các nguyên tắc suy luận hợp lý khi thuyết phục người khác về vị thế của mình hay tôi bóp méo các vấn đề để hỗ trợ vị thế của mình?
- Tôi có cho rằng điều quan trọng hơn là "giành chiến thắng" một cuộc tranh luận hay nhìn nhận vấn đề từ góc độ hợp lý nhất không?
- Tôi có khuyến khích người khác đi đến kết luận của riêng họ hay tôi cố gắng ép buộc quan điểm của mình đối với họ?

Công bằng hay Bất công

Có ý thức về sự cần thiết phải đối xử với tất cả các quan điểm như nhau, không liên quan đến cảm xúc của chính mình hoặc lợi ích được trao, hoặc cảm xúc hoặc lợi ích được trao của bạn bè, cộng đồng hoặc quốc gia của một người; ngụ ý tuân thủ các tiêu chuẩn trí tuệ mà không liên quan đến lợi thế của chính mình hoặc lợi thế của một nhóm.

- Lợi ích cá nhân hoặc thành kiến có xu hướng che mờ phán đoán của tôi ở mức độ nào?
- Làm thế nào để tôi có xu hướng xử lý các quan điểm có liên quan? Tôi có xu hướng ưu ái một số hơn những người khác không? Nếu vậy, tại sao?
- Tôi cân nhắc điểm mạnh và điểm yếu của tất cả các quan điểm quan trọng có liên quan ở mức độ nào khi suy luận thông qua một vấn đề?
- Chúng ta có những lợi ích cá nhân nào đang bị đe dọa ở đây và làm thế nào chúng ta có thể đảm bảo rằng chúng ta không ủng hộ lợi ích của chính mình hơn lợi ích chung?

Mối liên hệ giữa các đức tính trí tuệ

Các đặc điểm của tâm trí cần thiết cho tư duy phản biện công bằng là rất độc lập với nhau. Mỗi người yêu cầu những người khác nâng cao khả năng suy luận lên mức cao nhất về kỹ năng và tính chính đáng. Hãy xem xét sự *khiêm tốn về trí tuệ*: Để nhận thức được giới hạn kiến thức của mình, bạn cần có lòng *can đảm trí tuệ* để đối mặt với những định kiến và sự thiếu hiểu biết của mình. Đối lại, để khám phá ra những định kiến của chính mình, bạn thường phải *đồng cảm về mặt trí tuệ* và *lý trí công bằng* trong những quan điểm mà bạn không đồng ý. Để đạt được mục đích này thường đòi hỏi sự *kiên trì trí tuệ* vì học hỏi quan điểm khác với quan điểm của bạn có thể cần nỗ lực đáng kể, đòi hỏi bạn phải vượt qua những quan niệm sai lầm, khám phá những giả định sai lầm mà bạn đang sử dụng trong suy nghĩ của mình và làm lại những giả định này để phù hợp với một bức tranh thực tế hơn. Nỗ lực này sẽ không có vẻ hợp lý trừ khi bạn có *sự tự tin* cần thiết vào lý do để tin rằng bạn sẽ không bị vấy bẩn hoặc "bị cuốn vào" bởi những ý tưởng sai lệch hoặc gây hiểu lầm khi xem xét các quan điểm thay thế.

Hơn nữa, chỉ tin rằng bạn sẽ không bị tổn hại khi xem xét các quan điểm "ngoài hành tinh" là không đủ để thúc đẩy hầu hết mọi người xem xét chúng một cách nghiêm túc. Bạn cũng phải được thúc đẩy bởi ý thức trí tuệ về công lý. Bạn phải nhận ra trách nhiệm trí tuệ để công bằng với những quan điểm mà bạn phản đối. Bạn phải cảm thấy có nghĩa vụ phải nghe họ ở dạng mạnh nhất để đảm bảo rằng bạn không lên án họ vì thiếu hiểu biết hoặc thiên vị.

Xem liệu bạn có thể viết ra mô tả của riêng mình về cách các đức tính trí tuệ tương quan với nhau hay không. Có nhiều cách để nói rõ những mối quan hệ qua lại này. Điều quan trọng nhất là bạn phải hiểu rõ từng đức tính, rằng bạn thấy chúng tồn tại trong mối quan hệ với nhau, và bạn luôn làm việc nhất quán và kiên trì để trau dồi và thể hiện chúng trong suy nghĩ của chính mình.

LINH HỒN CỦA TƯ DUY PHẢN BIỆN

Những người có tư duy phản biện thường tự tin vào khả năng tìm ra tính logic của bất cứ điều gì họ chọn. Họ liên tục tìm kiếm các mối tương quan và trật tự trong hệ thống các ý tưởng. Họ sử dụng những công cụ tư duy phản biện mỗi ngày để nâng cao tư duy, để từ đó cải thiện cuộc sống của họ.



Mẫu phân tích tính logic của một bài báo

Sử dụng mẫu này để giải mã bất kỳ bài báo, bài luận hay một chương của sách giáo khoa

Tính logic của “(tên bài báo)”

1. Mục đích chính của bài báo này là _____.
(Nêu mục đích của tác giả khi viết bài báo một cách rõ ràng nhất)
2. Câu hỏi quan trọng mà tác giả muốn làm rõ là _____.
(Tìm ra câu hỏi quan trọng trong tâm trí của tác giả khi viết bài báo này.)
3. Thông tin quan trọng nhất trong bài báo này là _____.
(Tìm ra những sự kiện, kinh nghiệm và dữ liệu mà tác giả sử dụng để hỗ trợ cho luận điểm của mình.)
4. Những kết luận chính trong bài báo này là _____.
(Xác định những kết luận chính mà tác giả đúc kết được và trình bày trong bài báo.)
5. (Các) khái niệm chính cần hiểu trong bài viết này là _____.
Với những khái niệm này, ý của tác giả là _____.
(Tìm ra những ý tưởng quan trọng nhất mà bạn phải biết để có thể hiểu được dòng lập luận của tác giả.)
6. (Các) giả định chính ẩn dưới suy nghĩ của tác giả là _____.
(Tìm ra những gì tác giả đang cho là đương nhiên [có thể bị nghi ngờ].)
7. a) Nếu chúng ta xem xét dòng lập luận này một cách nghiêm túc, hệ quả là _____.
(Những hậu quả gì có thể xảy ra nếu mọi người xem trọng lập luận của tác giả?)
b) Nếu chúng ta không thể xem xét dòng lập luận này một cách nghiêm túc, hệ quả là _____.
(Những hậu quả gì có thể xảy ra nếu mọi người lơ đi lập luận của tác giả?)
8. (Các) quan điểm chính được trình bày trong bài viết này là _____.
(Tác giả đang chú ý đến điều gì, và tác giả nhìn nhận nó như thế nào?)

Tiêu chí đánh giá lý luận

1. **Mục đích:** Mục đích của người lý luận là gì? Mục đích có được nêu hoặc ngụ ý rõ ràng không? Nó có chính đáng không?
2. **Câu hỏi:** Câu hỏi cho vấn đề có được nêu rõ không? Nó có rõ ràng và không dựa trên thành kiến? Câu hỏi có được trình bày tương xứng với độ phức tạp của vấn đề? Câu hỏi và mục đích có liên quan trực tiếp với nhau không?
3. **Thông tin:** Người viết có trích dẫn bằng chứng có liên quan, kinh nghiệm, và/hoặc thông tin cần thiết cho vấn đề? Thông tin có chính xác không? Tác giả có đề cập đến sự phức tạp của vấn đề không? Người viết có bóp méo bất kỳ thông tin nào hoặc sử dụng thông tin sai lệch để phục vụ một lợi ích nhất định?
4. **Khái niệm:** Người viết có làm rõ các khái niệm chính khi cần thiết không? Các khái niệm có được sử dụng hợp lý không? Người viết có nhận thức được các khái niệm mà họ đang sử dụng trong lập luận thông qua vấn đề này không?
5. **Giả thiết:** Người viết có thể hiện sự nhạy cảm với những gì họ cho là hiển nhiên hoặc giả định (trong chừng mực những giả định đó có thể được nghi vấn một cách hợp lý) không? Người viết có sử dụng các giả định đáng nghi vấn mà không đề cập đến các vấn đề có thể có trong các giả định đó không?
6. **Kết luận:** Tác giả có phát triển dòng lập luận hợp lý và làm rõ cách đi đến kết luận chính?
7. **Quan điểm:** Người viết có thể hiện sự nhạy cảm với các quan điểm hoặc dòng lập luận có liên quan khác không? Tác giả có xem xét và phản hồi những phản đối dưới góc độ quan điểm khác không?
8. **Hệ quả:** Tác giả có thể hiện sự nhạy cảm đối với những tác động và hậu quả của góc độ họ lựa chọn không?

Một trình tự mẫu để giải quyết vấn đề

Để trở thành người giải quyết vấn đề hiệu quả:

1. Tìm ra và thường xuyên trình bày lại các mục tiêu, mục đích và nhu cầu. Xác định những vấn đề trở ngại để đạt được mục tiêu, mục đích hoặc thỏa mãn nhu cầu của bạn.
2. Bất cứ khi nào có thể, hãy giải quyết từng vấn đề một. Nêu từng vấn đề một cách rõ ràng và chính xác nhất có thể.
3. Nghiên cứu vấn đề để xác định "loại" vấn đề mà bạn đang giải quyết. Ví dụ, bạn phải làm gì để giải quyết nó?
4. Phân biệt những vấn đề mà bạn có thể kiểm soát được với những vấn đề mà bạn không kiểm soát được. Tập trung nỗ lực cho những vấn đề bạn có thể giải quyết.
5. Tìm ra đâu là những thông tin cần thiết để giải quyết vấn đề. Chủ động tìm kiếm chúng.
6. Phân tích và diễn giải cẩn thận thông tin bạn thu thập được, rút ra những kết luận hợp lý.
7. Xác định các lựa chọn hành động. Bạn có thể làm gì trong ngắn hạn? Trong dài hạn? Nhận ra những hạn chế của bạn về tiền bạc, thời gian và quyền lực.
8. Đánh giá những lựa chọn của bạn, xác định những ưu điểm và nhược điểm của chúng.
9. Áp dụng một chiến lược một cách nhất quán. Và theo đuổi nó đến cùng. Điều này có thể đòi hỏi bạn cân nhắc các hành vi và cách tiếp cận một cách cẩn trọng.
10. Khi bạn hành động, theo dõi tác động của hành vi của bạn. Hãy sẵn sàng sửa đổi chiến lược của bạn nếu cần thiết. Hãy chuẩn bị để thay đổi những phân tích hoặc tuyên bố của bạn về vấn đề khi nhận được thêm thông tin về vấn đề đó.

Phân tích và đánh giá nghiên cứu

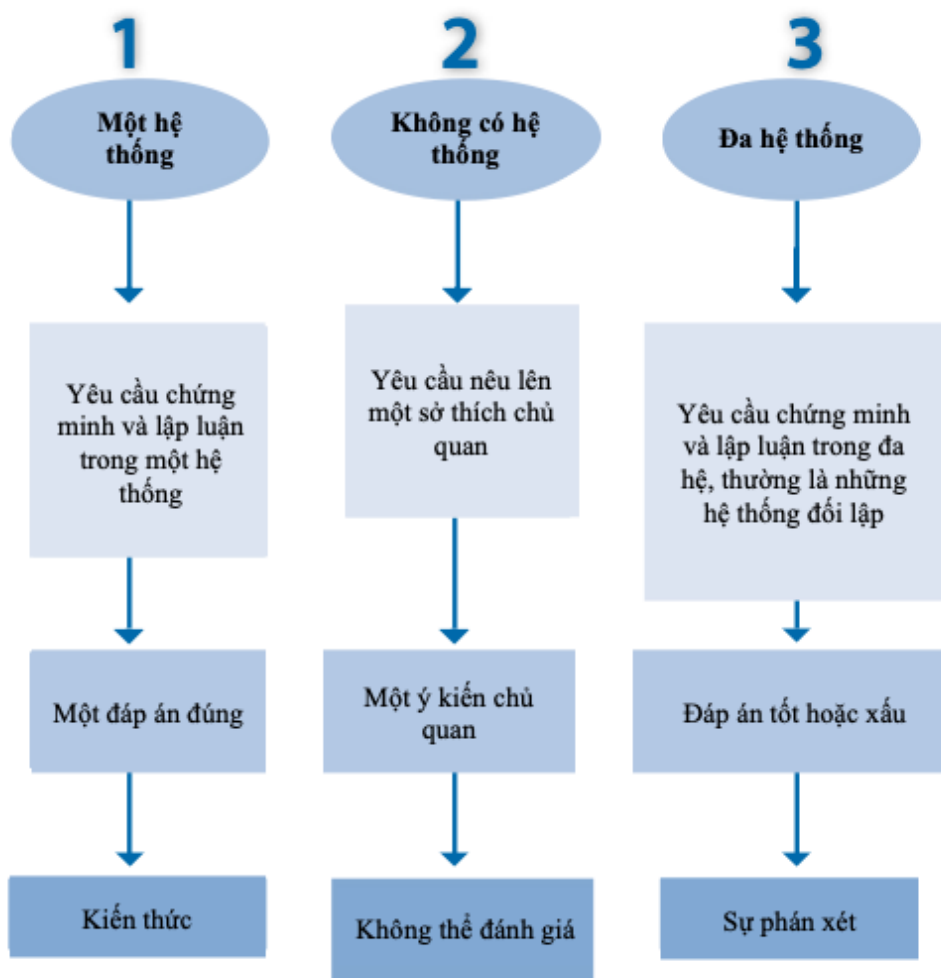
Rất nhiều dự án nghiên cứu không được xác định rõ ràng; và chỉ tập trung vào chủ đề hơn là lập luận về vấn đề hoặc một loạt những vấn đề. Để giữ cho lý luận luôn nằm trong tâm của nghiên cứu mà bạn đang thực hiện, hãy sử dụng các nguyên tắc sau. Những nguyên tắc này được dựa trên các yếu tố về lý luận và trình độ dân trí.

1. Tất cả nghiên cứu đều có một **MỤC ĐÍCH** và mục tiêu cơ bản
 - Những mục đích và mục tiêu cần được nêu rõ ràng
 - Những mục đích liên quan cần được phân biệt rõ ràng
 - Tất cả những phần của bài nghiên cứu nên có liên quan đến mục đích
 - Tất cả các mục đích nghiên cứu phải thực tế và có ý nghĩa
2. Tất cả các nghiên cứu đều đề cập đến một **CÂU HỎI**, khó khăn hoặc vấn đề cơ bản
 - Những câu hỏi cơ bản về vấn đề nên được nêu rõ ràng và chính xác
 - Những câu hỏi có liên quan nên được kết nối và phân biệt với nhau
 - Tất cả các phần của nghiên cứu nên liên quan đến câu hỏi trọng tâm
 - Tất cả những câu hỏi nghiên cứu cần thực tế và có ý nghĩa
 - Tất cả những câu hỏi nghiên cứu nên xác định rõ ràng những nhiệm vụ trí tuệ mà khi hoàn thành chúng sẽ giải quyết được những câu hỏi này.
3. Tất cả nghiên cứu xác định những dữ liệu, **THÔNG TIN** và bằng chứng liên quan đến những câu hỏi và mục đích cơ bản của nó.
 - Tất cả thông tin được sử dụng phải rõ ràng, chính xác và phù hợp với câu hỏi cơ bản đang được đề cập.
 - Thông tin thu thập được phải đủ để giải quyết câu hỏi đang được đề cập đến.
 - Thông tin đối lập với kết luận chính của nghiên cứu cần được giải thích.
4. Tất cả các nghiên cứu đều chứa **SUY LUẬN** hoặc diễn giải để rút ra những kết luận
 - Tất cả các kết luận phải rõ ràng, chính xác và phù hợp với câu hỏi chính về vấn đề.
 - Kết luận rút ra không được vượt quá những gì dữ liệu cung cấp
 - Các kết luận phải nhất quán và điều chỉnh lại các sai lệch trong dữ liệu.
 - Các kết luận nên giải thích được câu hỏi chính về vấn đề đã được giải quyết như thế nào.
5. Tất cả các nghiên cứu được thực hiện từ một số **QUAN ĐIỂM** hoặc hệ quy chiếu.
 - Tất cả các quan điểm trong nghiên cứu cần được xác định

- Những phản biện đối với các quan điểm cạnh tranh cần được xác định và giải quyết một cách công bằng.
6. Tất cả nghiên cứu đều được dựa trên các **GIẢ ĐỊNH**.
 - Xác định và đánh giá rõ ràng các giả định chính trong nghiên cứu
 - Giải thích cách các giả thuyết định hình quan điểm nghiên cứu.
 7. Tất cả các nghiên cứu được thể hiện và định hình bởi **CÁC KHÁI NIỆM** và ý tưởng.
 - Đánh giá để làm rõ các khái niệm chính trong nghiên cứu.
 - Đánh giá tầm quan trọng của các khái niệm chính trong nghiên cứu.
 8. Tất cả các nghiên cứu đều dẫn đến đâu đó (tức là **TÁC ĐỘNG** và hậu quả).
 - Theo dõi các tác động và hậu quả sau nghiên cứu.
 - Tìm kiếm những tác động tiêu cực cũng như tích cực
 - Xem xét tất cả các tác động và hệ quả quan trọng

Ba loại câu hỏi

Khi tiếp cận một câu hỏi, tìm ra được loại câu hỏi sẽ rất hữu ích. Nó có phải là câu hỏi mà chỉ có 1 câu trả lời chính xác? Nó có phải là câu hỏi đòi hỏi sự lựa chọn chủ quan? Hay câu hỏi này đòi hỏi bạn phải xem xét các quan điểm cạnh tranh?



Có một số cách hữu ích để phân loại câu hỏi để phân tích. Một cách hiệu quả là tập trung vào kiểu lập luận được yêu cầu trong câu hỏi.

Câu hỏi về quy trình (đã được thiết lập hoặc một hệ thống): Chúng bao gồm các câu hỏi có quy trình hoặc phương pháp đã được thiết lập sẵn để tìm ra câu trả lời. Những câu hỏi này được giải quyết bằng thực kiện, bằng định nghĩa, hoặc cả hai. Những câu hỏi này thường được sử dụng nhiều trong toán học, khoa học vật lý và sinh học. Ví dụ:

- Điểm sôi của chì là gì?
- Kích thước của căn phòng này là bao nhiêu?
- Vi phân của phương trình này là gì?
- Tổng của 659 và 979 là bao nhiêu?

Câu hỏi về độ ưu tiên (không có hệ thống hoặc theo cá nhân): Các câu hỏi này có càng nhiều câu trả lời thì con người có càng nhiều các sở thích khác nhau (phạm trù này được quy định theo thị hiếu chủ quan). Ví dụ:

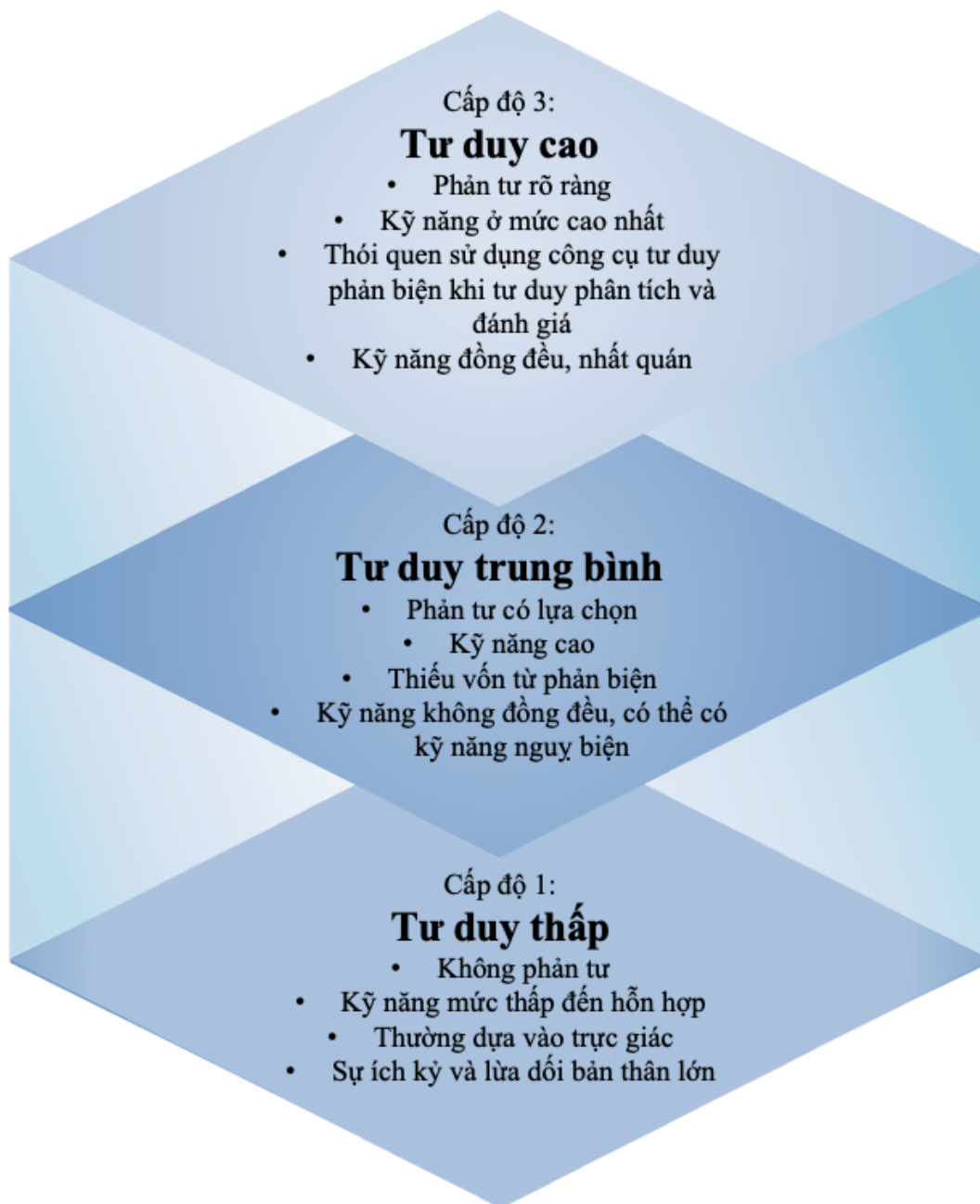
- Bạn thích gì hơn: kỳ nghỉ ở trên núi hay trên bãi biển?
- Bạn có thích đi xem Opera không? Đây là thứ bạn thích?
- Bạn muốn ngôi nhà của mình có gam màu gì?

Câu hỏi phán đoán (hệ thống xung đột): Các câu hỏi yêu cầu suy luận, nhưng có nhiều hơn một câu trả lời gây tranh cãi. Đây là những câu hỏi có câu trả lời tốt hơn hoặc tệ hơn (được lập luận hợp lý và chặt chẽ hoặc được lập luận kém, rời rạc). Chúng ta đánh giá câu trả lời cho những câu hỏi này bằng cách sử dụng các tiêu chuẩn tư duy như mức độ rõ ràng, mức độ chính xác, mức độ liên quan, v.v. Những câu hỏi này chủ yếu được sử dụng trong các ngành nhân văn (lịch sử, triết học, kinh tế học, xã hội học, nghệ thuật, v.v.). Ví dụ:

- Làm thế nào chúng ta có thể giải quyết tốt nhất những vấn đề kinh tế cơ bản và thiết yếu nhất của đất nước ngày nay?
- Cần làm gì để giảm nhiều nhất số lượng người nghiện những loại thuốc bất hợp pháp?
- Làm thế nào chúng ta có thể cân bằng giữa lợi ích kinh tế và bảo vệ môi trường?
- Có nên bỏ hình phạt tử hình?

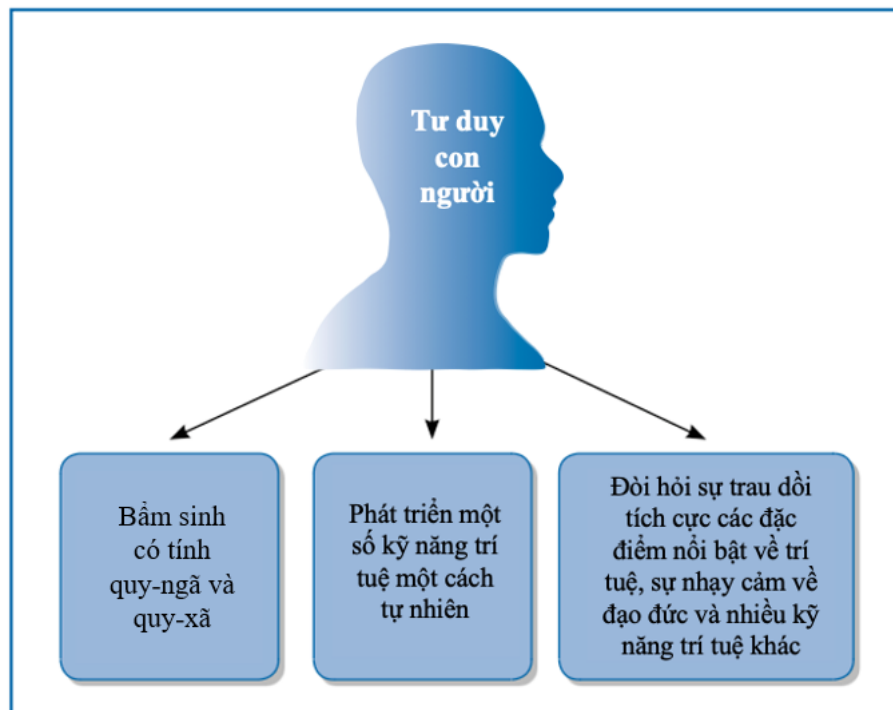
Ba cấp độ của tư duy

Chúng ta có thể nghĩ rằng lý luận xảy ra ở ba cấp độ: bậc thấp (đòi hỏi rất ít kỹ năng tư duy phản biện), bậc trung (có kỹ năng ở một số phần và nếu có thì mức độ không nhất quán giữa các phần), bậc cao (vừa giàu kỹ năng vừa công bằng). Để tư duy ở cấp cao nhất, chúng ta không chỉ cần các kỹ năng về trí tuệ mà còn cần cả đức tính về trí tuệ. Chỉ nhờ trau dồi các đức tính trí tuệ mà lý luận có thể chuyển đến bậc cao nhất.

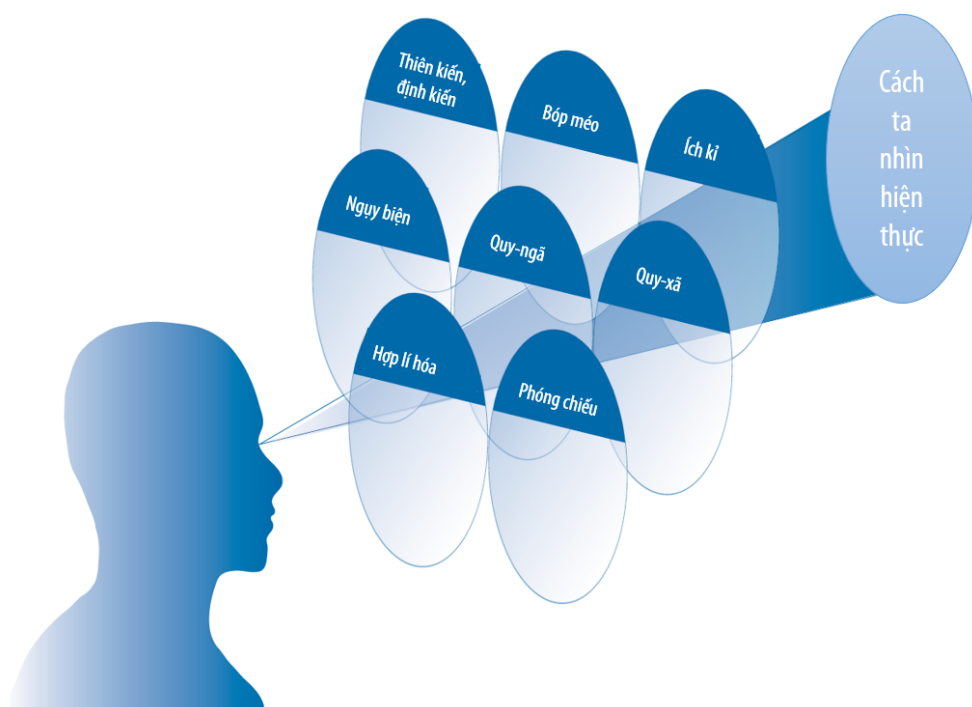


CON NGƯỜI THƯỜNG TƯ DUY PHI LÝ TRÍ TRONG KHI CÓ KHẢ NĂNG SUY NGHĨ LÝ TRÍ

Mọi người đều bẩm sinh có tính quy-ngã và quy-xã. Con người cũng có năng lực lý trí (phần lớn chưa phát triển). Con người sinh ra đã là những sinh vật quy-ngã. Theo thời gian, tư duy lấy bản thân làm trung tâm của trẻ sơ sinh hòa nhập với tư duy lấy nhóm xã hội làm trung tâm. Mọi con người đều tham gia vào cả hai dạng suy nghĩ phi lý trí. Mức độ quy-ngã hay quy-xã của con người phụ thuộc vào phẩm cách và có thể thay đổi tùy thuộc vào các tình huống hoặc bối cảnh khác nhau. Trong khi khuynh hướng quy-ngã và quy-xã là những hiện tượng xuất hiện tự nhiên, thì năng lực lý trí phải cần được phát triển nhiều hơn. Thông qua việc phát triển các năng lực lý trí mà chúng ta chống lại các khuynh hướng phi lý trí và nuôi dưỡng một xã hội tư duy phản biện.



Con người thường bóp méo thực tế qua lăng kính phi lý trí



Khi để tùy cho sự phi lý ngự trị, tâm trí phải tự đánh lừa bản thân bằng cách dựa vào các cố tật của tư duy. Các cố tật của tư duy có thể được hình dung như một tập hợp các bộ lọc hoặc thấu kính:

- Khiến hoặc cho phép chúng ta nhìn thế giới theo sở thích của chúng ta, mà không quan tâm đến người khác;
- Bóp méo sự thật để chúng ta có thể có được điều mà chúng ta mong muốn; và
- Khiến chúng ta bỏ qua những thông tin liên quan để vẽ nên bức tranh về một thế giới hoàn hảo dựa trên những lợi ích của chúng ta

Những căn bệnh này đánh lừa bằng cách khiến chúng ta tin vào những gì chúng ta muốn tin (để đạt được những gì chúng ta muốn hoặc để duy trì quan điểm của chúng ta). Các cố tật của tư duy, từ đó, phục vụ chủ nhân của chúng - sự tự lừa dối bản thân. Chúng là biểu hiện chính trong cả tư tưởng vị kỷ và tư tưởng xã hội.

Vấn đề của tư duy quy-ngã

Tư duy *quy-ngã* (*egocentric*) là kết quả của việc con người không xem xét quyền và nhu cầu của người khác, từ chối đánh giá cao quan điểm của người khác và không nhìn nhận những hạn chế của chính mình. Chúng ta chỉ có thể nhận thức rõ ràng về tính quy-ngã khi được huấn luyện/đào tạo về nó. Chúng ta không tự nhiên nhận ra các giả định quy-ngã mà được thể hiện thông qua cách sử dụng thông tin, giải thích dữ liệu, các khái niệm và ý tưởng, hoặc hàm ý của những dòng suy nghĩ mà không biết rằng tất cả những điều này chỉ phục vụ cho quan điểm cá nhân.

Con người chúng ta thường sống với cảm giác không thực tế nhưng lại tự tin rằng về cơ bản chúng ta đã thực sự hiểu được mọi thứ và làm mọi thứ một cách khách quan. Chúng ta tin vào trực giác của mình một cách tự nhiên, mặc dù chúng có thể không chính xác. Thay vì sử dụng các tiêu chuẩn về tư duy, chúng ta thường tập trung các tiêu chuẩn tâm lý để xác định điều gì nên tin và điều gì không nên tin. Dưới đây là những tiêu chuẩn tâm lý được sử dụng phổ biến nhất trong tư duy của con người.

“ĐIỀU NÀY ĐÚNG VÌ TÔI TIN NHƯ VẬY”. Tính quy-ngã bẩm sinh: Tôi cho rằng điều tôi tin là đúng mặc dù tôi chưa bao giờ đặt câu hỏi về cơ sở cho niềm tin của mình.

“ĐIỀU NÀY LÀ ĐÚNG VÌ CHÚNG TÔI TIN NHƯ VẬY.” Tư duy quy-xã bẩm sinh: Tôi cho rằng những niềm tin lẫn át trong các nhóm mà tôi thuộc về là đúng mặc dù tôi chưa bao giờ đặt câu hỏi về cơ sở cho những niềm tin đó.

“ĐIỀU NÀY LÀ ĐÚNG VÌ TÔI MUỐN TIN VÀO NÓ.” Ao ước bẩm sinh: Tôi tin vào bất cứ điều gì khiến tôi (hoặc các nhóm mà tôi thuộc về) cảm thấy tích cực. Tôi tin vào những “cảm giác tốt đẹp”, những điều mà không yêu cầu tôi phải thay đổi suy nghĩ của mình quá nhiều và / hoặc những điều không yêu cầu tôi thừa nhận mình đã sai.

“ĐIỀU NÀY LÀ ĐÚNG VÌ TÔI ĐÃ LUÔN LUÔN TIN NHƯ VẬY.” Tự chứng thực bẩm sinh: Tôi có mong muốn/khát khao mạnh mẽ để duy trì niềm tin đã có từ rất lâu, mặc dù tôi chưa từng nghiêm túc xem xét mức độ về tính xác thực của những niềm tin này.

“ĐIỀU NÀY LÀ ĐÚNG VÌ NÓ MANG LẠI LỢI ÍCH TỐT NHẤT KHI TÔI TIN VÀO NÓ”. Tính ích kỷ bẩm sinh: Tôi tin rằng bất cứ điều gì bảo chữa cho việc tôi có thêm quyền lực, tiền bạc hoặc lợi thế cá nhân mặc dù những niềm tin này không có cơ sở lý luận hoặc bằng chứng xác đáng.

Các cảm xúc đi kèm với tư duy quy-ngã

Đây là một số cảm xúc có thể đi kèm với tính quy-ngã. Chúng thường xuất hiện khi tư duy quy-ngã “không thành công”. Lưu ý rằng một số cảm xúc này có thể đi kèm với suy nghĩ lý trí — tùy thuộc vào bối cảnh và trong một số trường hợp nhất định.

Khi tính quy-ngã làm chủ những suy nghĩ của chúng ta, những cảm xúc tích cực sẽ xuất hiện. Và trong trường hợp ngược lại, sẽ là các cảm xúc tiêu cực.



Vấn đề của tư duy quy-xã

Hầu hết mọi người không hiểu mức độ họ đã tiếp thu mà không phản biện về những định kiến ngự trị của xã hội hoặc nền văn hóa. Các nhà xã hội học và nhân học xác định tình trạng này là trạng thái “ràng buộc về mặt văn hóa”. Hiện tượng này xuất phát từ tư duy quy-xã (sociocentric thinking), bao gồm:

- Xu hướng đặt nền văn hóa, quốc gia và/hoặc tôn giáo của một người lên trên tất cả những người khác mà không có sự phản biện.
- Xu hướng lựa chọn mà không có sự phản biện về những thứ mang lại cảm giác tích cực cho bản thân và sẽ cảm thấy tiêu cực với những suy nghĩ khác mình
- Xu hướng tiếp thu các chuẩn mực và niềm tin nhóm mà không phản biện, tiếp nhận bản sắc nhóm và làm theo những gì chúng ta được mong đợi sẽ làm — mà không đặt câu hỏi về tính xác thực của những việc chúng ta đang làm.
- Xu hướng tuân theo các hạn chế của nhóm một cách mù quáng (nhiều trong số đó là độc đoán hoặc ép buộc).
- Tư duy không vượt qua được những định kiến truyền thống của nền văn hóa nào đó.
- Thất bại trong việc học hỏi và tiếp thu những hiểu biết sâu sắc về các nền văn hóa khác (nhờ đó mà cải thiện chiều rộng và chiều sâu trong tư duy).
- Không phân biệt được đạo lý phổ quát với các yêu cầu tương đối về văn hóa và cảm ky.
- Không nhận ra rằng các phương tiện thông tin đại chúng ở mọi nền văn hóa định hình thông tin theo cách nhìn nhận của nền văn hóa đó.
- Không tư duy về mặt lịch sử và nhân học (do đó bị mắc kẹt trong những cách tư duy hiện tại).
- Không coi *tư duy quy-xã* là một trở ngại đáng kể tới sự phát triển trí tuệ.

Tư duy quy-xã là một dấu hiệu của một xã hội không phản biện. Điều này chỉ có thể giảm bớt khi được thay thế bằng tư duy đa văn hóa, công bằng - tư duy phản biện một cách mạnh mẽ.

Các dạng chính của Tư duy quy-xã

Hãy xem xét bốn dạng dễ thấy của tư duy quy-xã. Các dạng này hoạt động và được biểu hiện trong các mối quan hệ phức tạp với nhau; và tất cả đều tiêu cực. Chúng có thể được tóm tắt như sau:

1. **Tính ích kỷ nhóm** – một xu hướng của các nhóm khi đi tìm kiếm lợi ích cho nhóm của mình mà không quan tâm đến quyền lợi và nhu cầu của người khác, nhằm thúc đẩy lợi ích định kiến nhóm. Tính ích kỷ nhóm gần như là xu hướng chính trong **tư duy quy-xã**, động lực cơ bản đằng sau nó (có lẽ liên quan đến sự sinh tồn trong quá khứ tăm tối mờ mịt của loài người). Mọi người trong nhóm đều có đặc quyền; những người khác ngoài nhóm thì không có đặc quyền này và/hoặc bị coi là mối đe dọa tiềm tàng.
2. **Xác thực nhóm** – xu hướng từ phía các nhóm tin rằng quan điểm của họ là đúng; xu hướng củng cố niềm tin nhóm; xu hướng xác thực các quan điểm của nhóm, mặc dù không đúng chức năng hoặc phi logic. Đây có thể là những quan điểm được hình thành từ lâu hoặc mới được hình thành, nhưng trong cả hai trường hợp này, chúng được nhóm cho là đúng; và trong nhiều trường hợp là để thúc đẩy lợi ích của nhóm. Xu hướng này nói lên thế giới quan mà từ đó mọi người bên ngoài nhóm đều được nhìn thấy và hiểu được và mọi thứ xảy ra bên ngoài nhóm đều bị đánh giá. Nó dẫn đến vấn đề về tư duy và hành vi *nội-nhóm* (in-group) - mọi người trong nhóm đều tư duy theo logic tập thể; mọi người bên ngoài nhóm sẽ bị đánh giá theo các tiêu chuẩn và niềm tin của những người trong nhóm.
3. **Kiểm soát nhóm** – xu hướng nhằm đảm bảo rằng các thành viên trong nhóm hành xử phù hợp với các kỳ vọng của nhóm. Logic này dẫn dắt các hoạt động phức tạp bên trong nhóm, phần lớn thông qua việc thực thi, tẩy chay và trừng phạt các phong tục, quy ước, quy tắc, điều cấm kỵ của nhóm, các quy tắc khác và luật lệ. Kiểm soát nhóm cũng có thể dưới hình thức “tuyển thêm” thông qua tuyên truyền và các hình thức thao túng khác. Nó thường tinh vi và được ngụy trang.
4. **Sự phục tùng nhóm** – một sản phẩm phụ của thực tế là để tồn tại, mọi người phải tìm ra cách để phù hợp với các nhóm mà họ muốn tham gia hoặc tự nguyện chọn tham gia. Họ phải tuân thủ các quy tắc và luật lệ do những người kiểm soát đặt ra. Những người bất đồng quan điểm sẽ bị trừng phạt bằng nhiều cách. Kiểm soát nhóm và sự tuân thủ nhóm là hai mặt của đồng xu — mặt này giá định/bao hàm mặt kia.

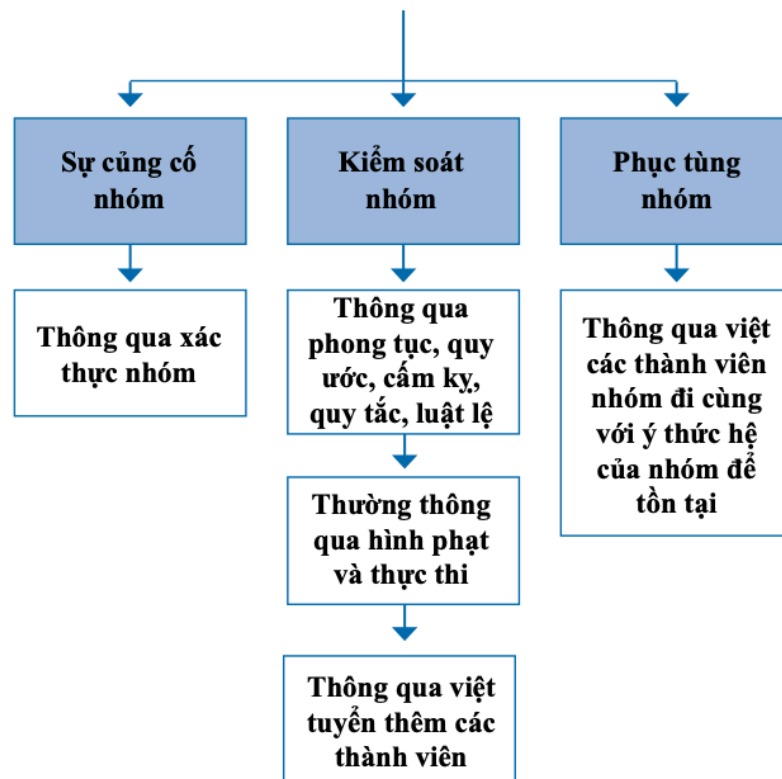
Bốn xu hướng tư duy quy-xã này đan xen và chồng chéo lên nhau theo nhiều cách và do đó hiểu là bốn phần của trò chơi xếp hình liên kết với nhau.

Các xu hướng tư duy quy-xã chủ yếu nằm ở cấp độ vô thức. Mọi người không nhận thức được những xu hướng này và không lựa chọn một cách có ý thức. Thay vào đó, những xu hướng này, ít nhất ở một mức độ nào đó, được che giấu bởi sự tự lừa dối, sự hợp lý hóa và các cơ chế tự nhiên khác của tâm trí khiến chúng ta không thể nhìn thấy và đối diện với sự thật trong suy nghĩ và hành động của mình. Tâm trí tự nhủ một điều trên bề mặt (ví dụ: chúng ta công bằng với tất cả những người có liên quan) trong khi thực tế nó đang hành động dựa trên một suy nghĩ hoàn toàn khác (ví dụ: chúng ta chủ yếu quan tâm đến lợi ích của chính mình). Trong hầu hết các trường hợp, tâm trí có thể tự tìm cách biện minh cho mình – ngay cả khi tham gia vào các hành vi phi đạo đức mức độ cao.

Cần chỉ ra rằng có nhiều trường hợp mà hành vi lý trí có thể bị nhầm lẫn với hành vi tư duy quy-xã. Ví dụ, các thành viên trong nhóm có thể tự xác thực các quan điểm giữa họ là hợp lý. Các nhóm cũng kỳ vọng/mong đợi các thành viên trong nhóm cư xử theo những cách có đạo đức.

Khía cạnh phi đạo đức của nghị trình nhóm

Tập trung vào việc tận dụng và mang lại lợi ích tối đa cho một nhóm, tính ích kỷ nhóm được thúc đẩy bởi các động lực tư duy quy-xã:



Tính ích kỷ nhóm cần phải có sự củng cố nhóm, kiểm soát nhóm và phục tùng nhóm để đạt được một cách hiệu quả. Sơ đồ này bắt đầu làm sáng tỏ các mối quan hệ phức tạp giữa bốn hình thức cơ bản của tư duy quy-xã.

Hình dung các xã hội phản biện

Thói quen tư duy phản biện, nếu thường thấy trong xã hội, sẽ lan rộng/thấm nhuần mọi nơi, bởi vì đó là một cách giải quyết các vấn đề của cuộc sống.

Những người được giáo dục trong xã hội đó không thể bị thao túng bởi những nhà diễn thuyết công cộng... Họ không dễ cả tin. Họ có thể trì hoãn mọi việc trong thời gian cho phép, để chờ và cân nhắc bằng chứng, mà không bị lung lay bởi sự tự tin mà các khẳng định được đưa ra ở bên này hay bên kia. Họ có thể chống lại những lời phản đối những định kiến của họ và tất cả những kiểu châm chọc. Giáo dục tư duy phản biện có thể nói là cách giáo dục duy nhất tạo nên những công dân tốt. (William Graham Sumner, 1906).

Con người có năng lực lý trí và công bằng, nhưng năng lực này phải được trau dồi. Nó sẽ được phát triển đáng kể chỉ khi các xã hội phản biện xuất hiện. Các xã hội phản biện sẽ chỉ phát triển trong phạm vi:

- Tư duy phản biện được coi là điều cần thiết để sống một cuộc đời biết lẽ phải và công bằng.
- Tư duy phản biện cần được dạy thường xuyên và bồi dưỡng nhất quán.
- Các vấn đề của tư duy là một mối quan tâm lâu dài.
- Một cách có hệ thống, tư duy khép kín không được khuyến khích; và ngược lại, sự cởi mở được khuyến khích.
- Trí tuệ liêm chính, trí tuệ khiêm tốn, trí tuệ đồng cảm, tự tin vào lý trí, và dũng khí trí tuệ là những giá trị xã hội.
- Tư duy quy-xã và tính duy lý được coi là một điều cấm kỵ trong đời sống xã hội.
- Trẻ em được dạy hàng ngày rằng các quyền và nhu cầu của người khác ngang bằng với quyền và nhu cầu của chúng.
- Một thể giới quan đa văn hóa được thúc đẩy.
- Mọi người được khuyến khích suy nghĩ cho bản thân và không khuyến khích chấp nhận suy nghĩ hoặc hành vi của người khác một cách thiếu cân nhắc/không chính đáng.
- Mọi người thường xuyên học tập và giảm thiểu phi lý trí/ suy nghĩ phi lý.
- Con người (mọi người) tiếp thu các tiêu chuẩn phổ quát về tư duy.
- Nếu chúng ta muốn có các xã hội phản biện, chúng ta phải tạo ra chúng.

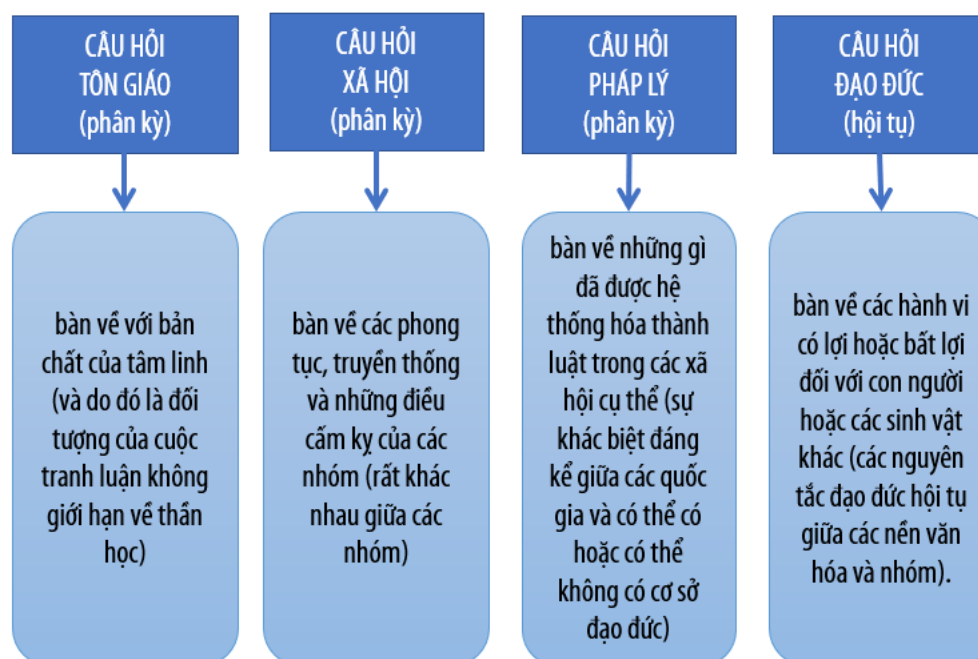
20 RÀO CẢN ĐỐI VỚI CÁC XÃ HỘI PHẢN BIỆN

Để minh họa thực tế là con người có xu hướng không suy nghĩ nghiêm túc trong các nền văn hóa ngày nay, hãy xem xét 20 rào cản sau đây đối với các xã hội phản biện. Hầu hết mọi người:

1. chỉ nhận thức hời hợt về tư duy phản biện
2. không thể trình bày rõ ràng lý tưởng của tư duy phản biện, chỉ biết về nó như một thuật ngữ gây tiếng vang tích cực, và trong mọi trường hợp, thường xuyên vi phạm các tiêu chuẩn của nó theo nhiều cách. Nói cách khác, hầu hết con người không khao khát lý tưởng của tư duy phản biện, và do chỉ có ý tưởng ngấm về nó, ta chỉ thành công một cách khiêm tốn.
3. chấp nhận mà không phản biện về những quan điểm và niềm tin truyền thống, chủ đạo của nền văn hóa của họ.
4. “ràng buộc về văn hóa” (bị giam cầm trong các quy ước xã hội).
5. chấp nhận mà không phản biện về các quan điểm của những người có thẩm quyền.
6. không nhận thức được và không cố gắng sử dụng một cách rõ ràng các tiêu chuẩn tư duy của họ.
7. không hiểu suy nghĩ của con người (của riêng họ hoặc của người khác) hoặc những trở ngại đối với tính hợp lý/sự có lý.
8. (vô thức) tin rằng nhiều điều là độc đoán/tùy tiện hoặc phi lý.
9. chấp nhận mà không phản biện về các quy tắc, thủ tục và công thức có tính quan liêu.
10. chấp nhận nhiều hình thức thẩm quyền khác nhau (chẳng hạn như mù quáng theo một hệ tư tưởng tôn giáo).
11. không sáng tạo và không nguyên bản.
12. bị mắc kẹt trong tầng lớp xã hội của họ.
13. không bao giờ nghĩ tích cực trong bất kỳ chủ đề nào và không có ý thức về việc nghĩ vượt ra ngoài các chủ đề đó.
14. không tin vào tự do tư tưởng và tự do ngôn luận hoặc vào một loạt các quyền tự do bất khả xâm phạm khác.
15. bị thành kiến về các câu hỏi về giới tính, văn hóa, loài và chính trị.
16. sử dụng tư duy của họ một cách hời hợt.
17. nắm ít quyền làm chủ/kiểm soát những cảm xúc và mong muốn ban đầu của họ; thay vào đó, họ có xu hướng phụ thuộc vào những thôi thúc và đam mê phi lý của chính họ.
18. không coi trọng tính tự phát, tự nhiên hoặc tính chân thật.
19. không thể và/hoặc không muốn suy nghĩ theo quan điểm của những người có thể giới quan khác.
20. không thể đạt được sự tự thể hiện, tự kiểm soát hoặc sự giác ngộ vì họ thiếu khả năng làm chủ suy nghĩ của mình, cũng như sự hiểu biết về mối quan hệ giữa suy nghĩ và cảm xúc.

ĐIỀU CẦN THIẾT LÀ PHẢI PHÂN BIỆT CÁC CÂU HỎI VỀ ĐẠO ĐỨC, QUY ƯỚC XÃ HỘI, TÔN GIÁO VÀ LUẬT PHÁP

Nếu chúng ta mong muốn có các xã hội công bằng và có tư duy phản biện về lâu dài, thì phần lớn con người cần phải phân biệt một cách rõ ràng giữa đạo đức với các phương thức tư duy khác mà hiện đang bị nhầm lẫn và có sự tồn tại chồng chéo. Quan trọng nhất, lý luận đạo đức phải được tách khỏi các phương thức tư duy khác để sau đó người ta có thể chuyển sang và tiếp thu các nguyên tắc thích hợp nhất để sử dụng trong lý luận thông qua các câu hỏi hoặc vấn đề đạo đức.



Bất kỳ quy định hoặc thực hành nào về tôn giáo, xã hội hoặc luật pháp có thể có hoặc có thể không phù hợp với đạo đức trong việc định hướng. Nếu chúng ta muốn đạt đến một giai đoạn phát triển khi lý luận đạo đức có kỹ năng là tiêu chuẩn, thì mỗi chúng ta phải trau dồi cho mình khả năng xác định xem bất kỳ hệ thống niềm tin, thực hành, quy tắc, hoặc luật pháp nào là có đạo đức. Có kỹ năng lý luận đạo đức có nghĩa là phát triển lương tâm không phụ thuộc vào sự thay đổi các quy ước xã hội, tâm linh, hoặc phi đạo đức.

Khi đối mặt với các vấn đề trong cuộc sống, chúng ta phải phân biệt đạo đức với đạo đức giả (hoặc giả-đạo đức), và chúng ta phải thường xuyên áp dụng các nguyên tắc đạo đức cho những vấn đề thực sự có bản chất đạo đức. Càng làm như vậy thường xuyên, chúng ta càng trở nên giỏi hơn về lý luận đạo đức.